

Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1
Báo cáo thường niên 2013



An Toàn Số Một, Chất Lượng Cao Nhất

Nội dung

00 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

01 GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Các chứng nhận, giải thưởng tiêu biểu
Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Rủi ro

17 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh
Cơ cấu xuất khẩu
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Thông tin cổ đông

35 BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Kế hoạch phát triển trong tương lai

45 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng Quản trị

49 QUẢN TRỊ CÔNG TY

55 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

63 PHỤ LỤC



Thông điệp từ chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Năm 2013 đã đi qua khi vẫn còn đó những khó khăn chung của nền kinh tế như lạm phát, chính sách tiền tệ chưa ổn định, sự tăng giá của nhiều mặt hàng nói chung và của ngành thủy sản nói riêng như dịch bệnh trên các loài thủy sản, sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu, khả năng tiếp cận vốn khó khăn, v.v... đã ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của CTCP Thủy Sản Số 1 (Seajoco).

Về phía doanh nghiệp, trong năm 2013, ngoài nỗ lực vượt qua những khó khăn chung của nền kinh tế và của ngành thủy sản nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã mạnh dạn và kịp thời có những thay đổi lớn trong quản lý, tổ chức, điều hành, kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động. Đây thật sự là thay đổi mang tính quyết định, tạo nên sự bứt phá cần thiết vì sự phát triển chung của Seajoco với tham vọng vươn xa trên thị trường quốc tế.

Bước sang năm 2014, với tầm nhìn xa, chiến lược dài hạn, giải pháp cụ thể, kế hoạch hành động chi tiết, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng Seajoco sẽ có sự tăng trưởng và phát triển vượt bậc trên mọi phương diện. Theo đó, Công ty hy vọng rằng luôn nhận được sự đồng hành và tin tưởng của Quý cổ đông, sự tin cậy của khách hàng, sự gắn bó của tập thể CBCNV góp phần xây dựng, định hình văn hóa của Seajoco lên tầm cao mới.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc tới Quý vị cổ đông, khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên Seajoco.

Trân trọng kính chào

Trần Văn Hậu – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1
Địa chỉ:	1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp.HCM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0302047389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 10/07/2000, và đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào 16/10/2013
Vốn điều lệ	38.500.000.000 đồng
Số điện thoại:	(84.8) 3974 1135 - 3974 1136
E-mail:	info@seajoco.vn
Website:	www.seajoco.vn
Mã cổ phiếu	SJ1





CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ
HÀNG ĐẦU CẤP BẾN THỰC PHẨM VÀ PHÚ TRUNG
(BENHONG TAI PHU TRUNG)

Địa chỉ: 4, Đường 8A, Khu vực 1, Phường 1, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: 0903 123 456 - 0903 123 456
Email: info@benhongtaiphu.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

KHU CÔNG NGHIỆP TAN PHU TRUNG IN

Năm 1988

Công ty được thành lập với tiền thân là Xí nghiệp Mặt Hàng Mới hay Factory No 1.

Tháng 07/2000

Xí nghiệp Mặt Hàng Mới được cổ phần hóa và đổi tên thành CTCP Thủy Sản Số 1. Vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.

Ngày 29/12/2006

Chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SJ1. Đây là một bước tiến mới trong việc đại chúng và quảng bá hơn nữa thương hiệu của SJ1.

TÂN PHÚ TRUNG DUSTRIAL PARK

Tháng 11/2007

Công ty tăng vốn điều lệ lên 35 tỷ đồng. Đây là lần đầu tiên Công ty tăng vốn điều lệ và đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quá trình tăng quy mô, mở rộng hướng đầu tư để giúp công ty phát triển bền vững hơn.

Ngày 08/06/2009

Chuyển niêm yết sang Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội để phù hợp với quy định Nhà nước.

Ngày 19/06/2012

Tăng vốn điều lệ lên 38,5 tỷ đồng bằng việc chia cổ tức 10% bằng cổ phiếu.



Các chứng nhận, giải thưởng tiêu biểu



Chứng nhận

Chứng nhận DL01 và DL157

Chứng nhận ISO 9001:1998

Chứng nhận ISO 9001:2000

Chứng nhận ISO 22000:2005

Chứng nhận HALAL

Chứng nhận BRC

Nội dung

Giấy phép xuất khẩu vào thị trường EU

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 1998

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản 2000

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 2200 phiên bản 2005

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn của cộng đồng các nước Hồi giáo HALAL

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu – BRC (Tiêu chuẩn của hiệp hội bán lẻ Anh Quốc)





Năm

Thành tích đạt được

Năm 1992

CTCP Thủy Sản Số 1 vinh dự nhận Huân chương lao động hạng II vì thành tích đạt được trong sản xuất kinh doanh từ 1989 – 1991.

Năm 1998

CTCP Thủy Sản Số 1 vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương lao động hạng I vì thành tích nổi bật trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 1993 - 1997.

Năm 2002 - 2008

Công đoàn Công ty vinh dự nhận được cờ thi đua cùng bằng khen của Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam cho Phong trào Phụ nữ 2 giỏi “Giỏi việc nước – Đảm việc nhà”.

Năm 2004 -2005 -2007

Huy chương vàng Hội chợ Vietfish.

Năm 2006

Cúp vàng thương hiệu hội nhập.

Năm 2006

Đạt thành tích cao trong phong trào thi đua “Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo An toàn vệ sinh lao động” 10 năm (1996 – 2006).

Năm 2003 - 2012

Nhận được cờ thi đua và bằng khen của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vì thành tích Xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh.



Ngành nghề và địa bàn

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Bán buôn tổng hợp;

Lắp đặt hệ thống điện;

Xây dựng nhà các loại;

Chế biến và bảo quản rau quả;

Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;

Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính;

Nuôi trồng thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở);

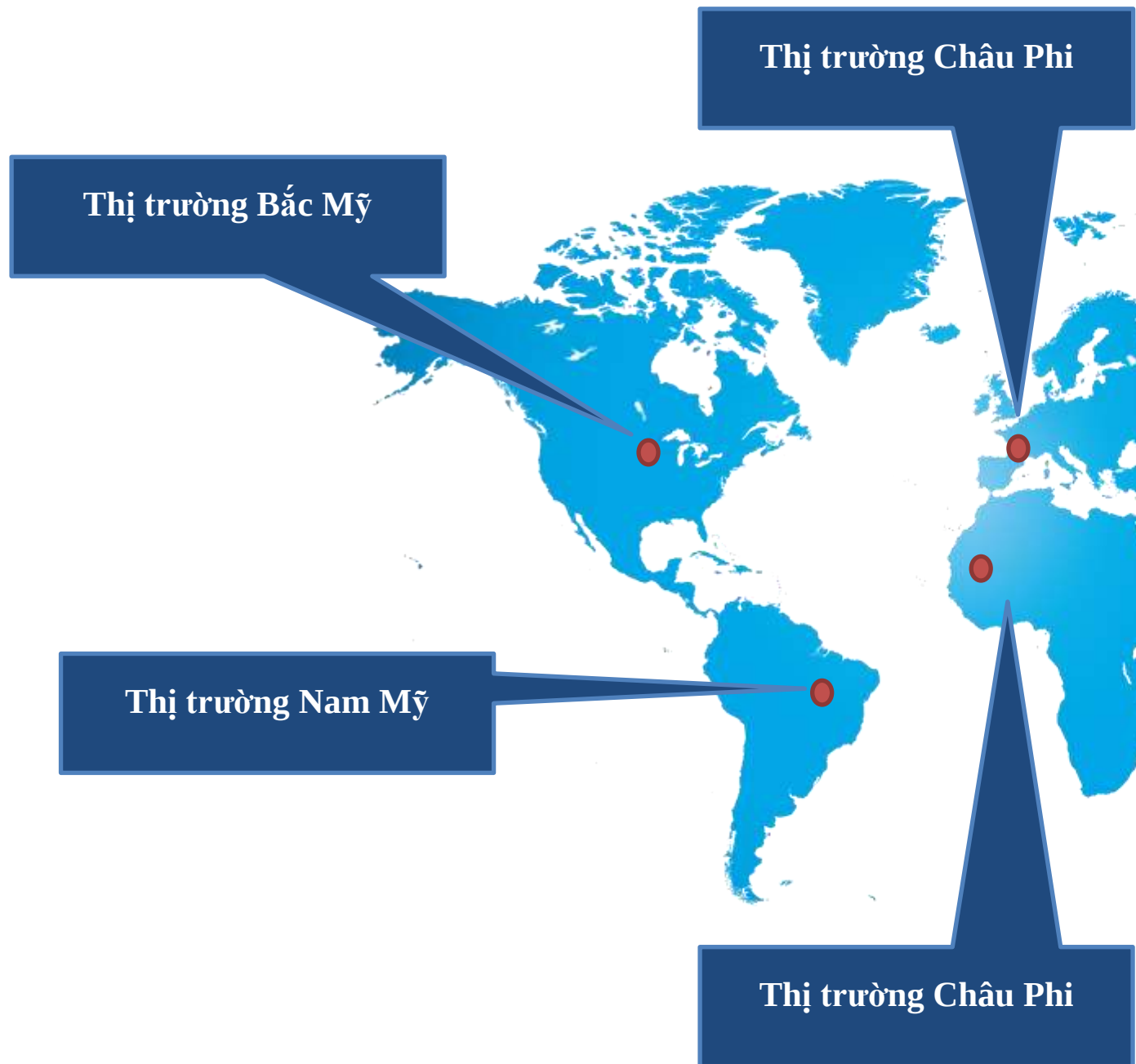
Đào tạo đại học và sau đại học (không hoạt động tại trụ sở).

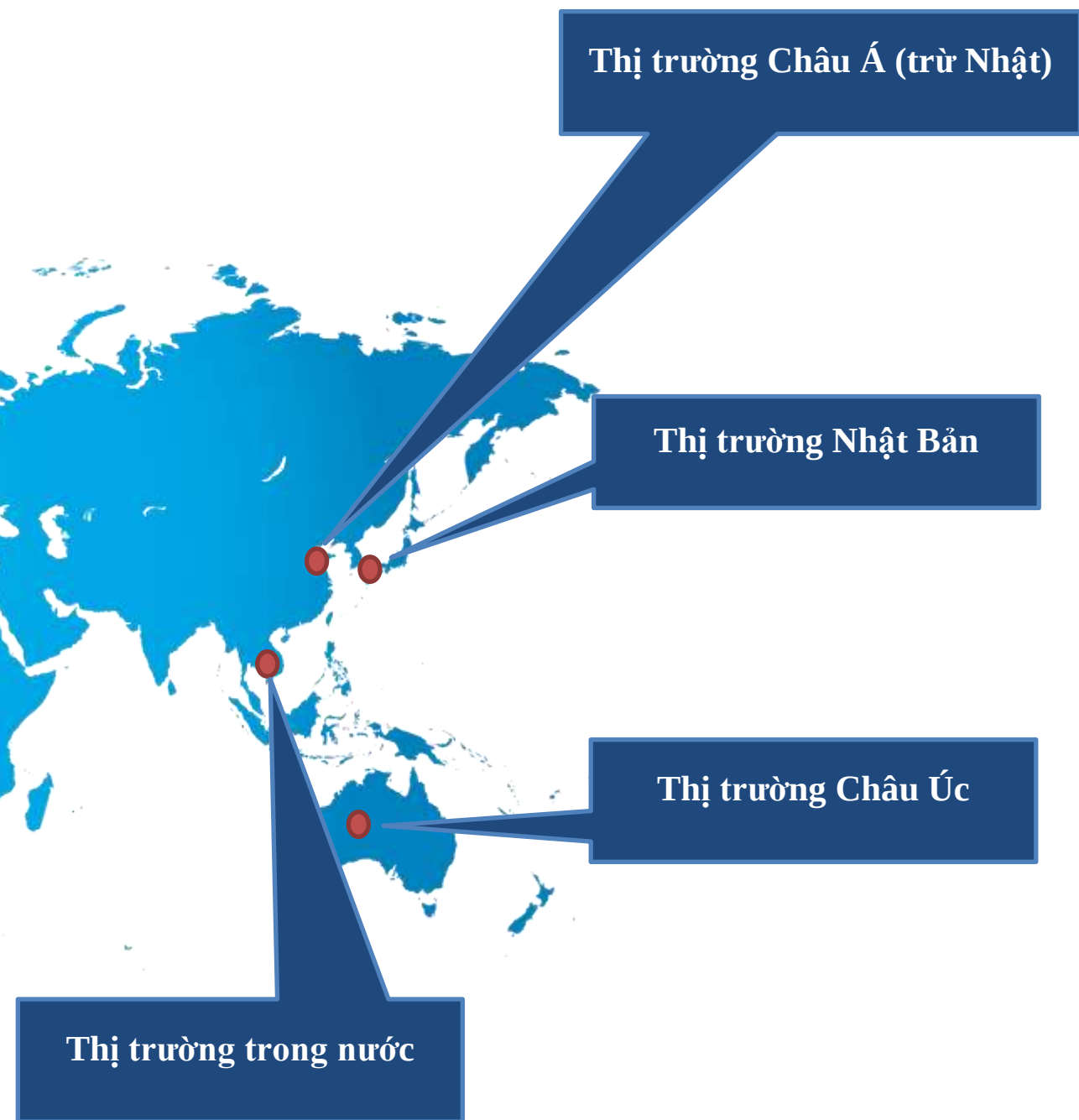


Các sản phẩm tiêu biểu

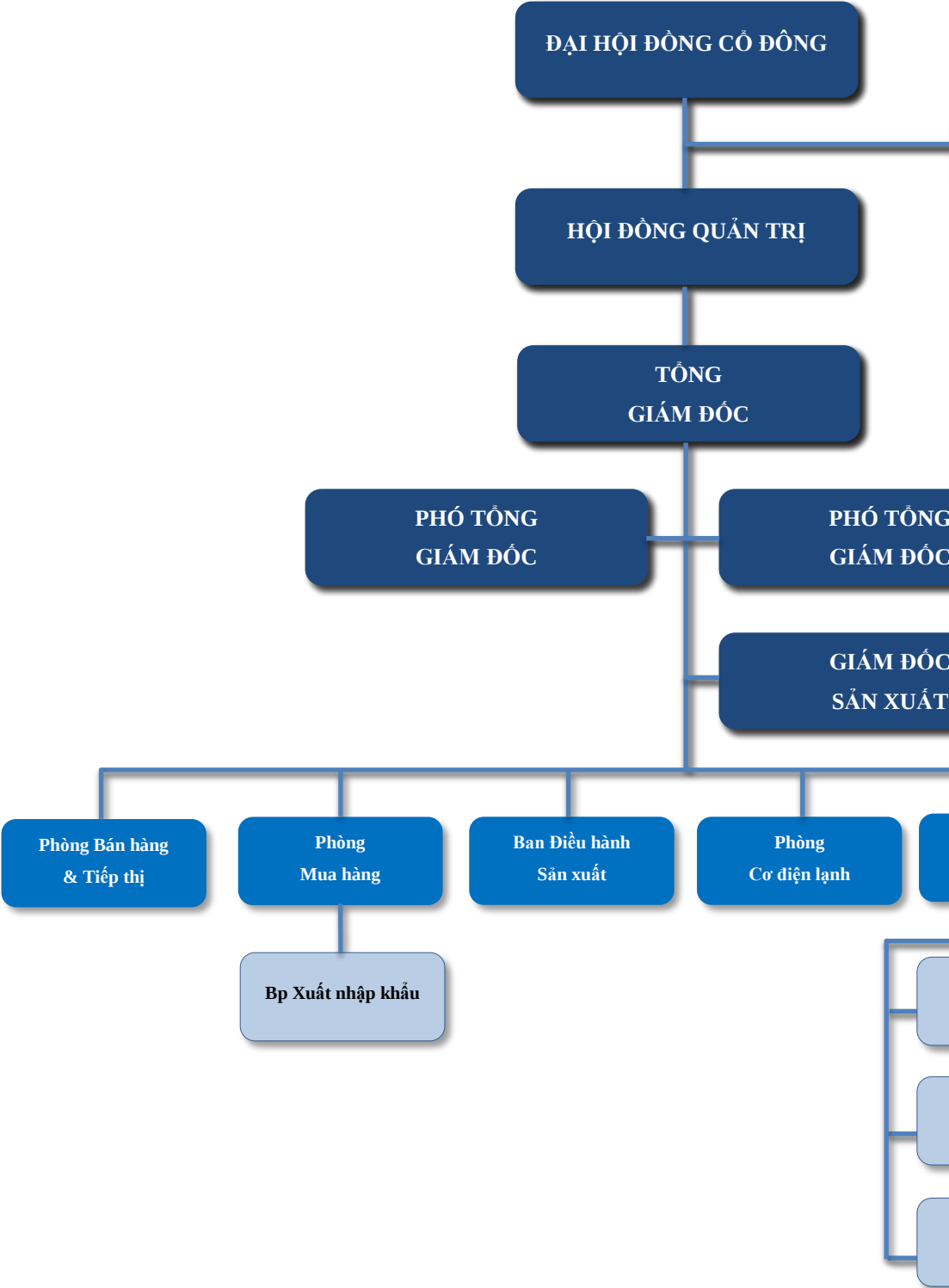


Địa bàn kinh doanh

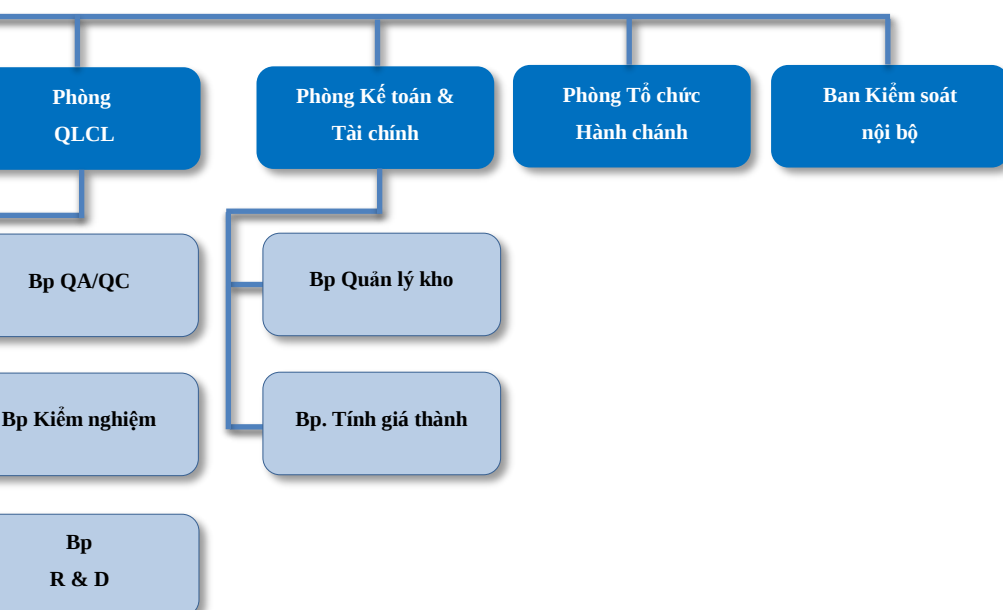




Sơ đồ tổ chức



BAN KIỂM SOÁT



Định hướng phát triển

Sản xuất kinh doanh xuất khẩu

Với tiềm năng phát triển ngày một mạnh mẽ của ngành thủy sản, Công ty không ngừng mở rộng thêm quy mô, thị phần, từng bước đưa thêm các dự án mới vào hoạt động cũng như đóng góp vào sự phát triển ngành.

Để đạt được mục tiêu trên, Công ty luôn chú trọng gia tăng tỷ trọng các sản phẩm tinh chế được chế biến, đóng gói sẵn rất tiện ích khi tiêu thụ trực tiếp tại các nhà hàng, siêu thị nước ngoài. Bên cạnh đó, đa dạng hóa thêm các mặt hàng sản xuất, tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm sản xuất, mở rộng thị trường giúp các nhà xưởng, máy móc thiết bị của các nhà máy và các nguồn lực khác như đội ngũ cán bộ công nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành đạt được hiệu suất làm việc tối đa.



Sản xuất kinh doanh nội địa

Với việc không ngừng đổi mới mình, Công ty luôn chú trọng đa dạng hóa mặt hàng, nghiên cứu sản phẩm phù hợp thị hiếu tiêu dùng trong nước, nghiên cứu giảm giá thành, ổn định chất lượng để đạt mục tiêu doanh thu cho thị trường nội địa chiếm 20% tổng doanh thu trong 5 năm tới.

Tiếp cận các chuỗi hệ thống nhà hàng và hệ thống khách sạn cao cấp nhằm tiếp thị, giới thiệu các sản phẩm giá trị gia tăng.

Nghiên cứu và đưa vào hoạt động hình thức phân phối sản phẩm với việc phát triển chuỗi nhà hàng thức ăn nhanh mang thương hiệu Seajoco.

Tiếp thị

Luôn giữ vững thương hiệu và tạo dựng vị thế của Công ty giữa các công ty trong ngành chế biến thủy hải sản nói chung và thị trường tiêu thụ nói riêng với những sản phẩm đặc trưng cùng sản phẩm mới.

Gia tăng thương mại, tìm kiếm các thị trường tiềm năng với những đối tác mới, duy trì sự tín nhiệm với các khách hàng truyền thống ở các thị trường Nhật, EU.

Giữ vững thương hiệu và uy tín đối với khách hàng bằng việc đảm bảo giao hàng đúng tiến độ và chất lượng sản phẩm ổn định.



Nhân lực

Thúc đẩy sự sáng tạo, gia tăng khả năng làm việc của người lao động bằng chính sách chế độ đãi ngộ, lương thưởng hợp lý.

Thành lập bộ máy quản trị và điều hành Công ty tinh gọn hiệu quả, tiết kiệm chi phí quản lý nhưng vẫn duy trì nhu cầu hoạt động cần thiết của doanh nghiệp, quy chuẩn hóa các chức danh để bố trí nhân lực phù hợp.

Tổ chức các cuộc thi nâng bậc thường niên để điều chỉnh và sắp xếp bậc lương phù hợp. Đào tạo, huấn luyện giúp công nhân nâng cao tay nghề, năng suất làm việc.

Thường xuyên phát động và tổ chức các hoạt động bên ngoài, thi đua phong trào trong sản xuất nhằm giảm bớt áp lực công việc giúp người lao động sáng tạo, nâng cao năng suất làm việc và tiết kiệm trong sản xuất nhằm thúc đẩy thêm hiệu quả kinh doanh của công ty và thu nhập người lao động.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Với nhận thức phải luôn có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng, bên cạnh các định hướng về phát triển trong kinh doanh, Công ty còn chú trọng các mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng như thường xuyên tổ chức các hoạt động thiện nguyện như chương trình chăm lo Tết cho người nghèo ở phường Tân Phú Trung, Tân Phú và hỗ trợ xóa đói giảm nghèo trên địa bàn phường Phú Trung, Tân Phú với tổng giá trị hơn 60 triệu đồng.

Tài chính

Cùng với việc mở rộng quy mô, đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển, Công ty cần huy động vốn trên thị trường bằng việc phát hành thêm cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Duy trì sự ổn định và bền vững tình hình tài chính trong tương lai.

Khai thác nguồn lợi từ nguồn vốn vay lãi suất thấp để đầu tư phát triển và thực hiện các dự án mới.

Rủi ro hoạt động kinh doanh

- **Rủi ro từ vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm**

Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản trong việc nhập khẩu ở các nước tiêu thụ lớn như Nhật, Mỹ, EU, v.v...luôn tồn tại nhiều rủi ro cho các doanh nghiệp Việt Nam. Trong năm 2013, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) đã ban hành Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12/11/2013 quy định kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu trong đó với những quy định hồ sơ, thủ tục mới trong việc cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu đã làm

tăng thêm nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp thủy sản nước ta, đặc biệt là ngành cá tra.

- **Rủi ro về kinh tế**

Năm 2013 trôi qua với diễn biến tiếp tục khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, đặc biệt đối với các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu. Mặc dù đã có những diễn biến khởi sắc như Eurozone thoát suy thoái sau 18 tháng, Nhật Bản chấm dứt giảm phát và thị trường chứng khoán Mỹ liên tiếp tăng cao nhưng việc quản lý và siết chặt xuất nhập khẩu luôn là ưu tiên hàng đầu trong chính sách phát triển kinh tế. Với hoạt

động xuất nhập khẩu trực tiếp thủy hải sản của các công ty thủy sản, đặc biệt là Seajoco, diễn biến kinh tế thế giới luôn là mối lo lớn của các nhà lãnh đạo.

- **Rủi ro nguồn tôm nguyên liệu**

Theo thống kê của Tổng cục thủy sản, tình hình dịch bệnh trên các đối tượng thủy sản quan

“ Vào ngày 12/11/2013, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) đã ban hành Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT quy định kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu trong đó với những quy định hồ sơ, thủ tục mới trong việc cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu đã làm tăng thêm nhiều khó khăn cho các
”
doanh nghiệp thủy sản nước ta.



trọng, đặc biệt là tôm nuôi nước lợ tuy có giảm so với cùng kỳ năm 2012, nhưng vẫn còn xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại nhiều địa phương. Với nhu cầu sử dụng tôm giống nguyên liệu lớn, Công ty đã phải lên kế hoạch chi tiết và liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để nâng cao khả năng quản lý, kiểm dịch tôm giống hiện nay đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý.

- **Rủi ro về lãi suất**

Hầu hết các doanh nghiệp thủy sản trong nước có tỷ lệ nợ vay chiếm tỷ trọng cao trên tổng tài sản do nhu cầu đảm bảo đủ vốn lưu động trong kinh doanh. Do đó việc thay đổi lãi suất của chính phủ sẽ làm tăng chi phí lãi vay ảnh hưởng mạnh mẽ đến kết quả lợi nhuận. Tuy nhiên, trong các năm gần đây, hệ số nợ trên tổng tài sản của Seajoco luôn đạt mức thấp so với các doanh nghiệp thủy sản khác. Với ưu thế này, việc quản trị rủi ro về lãi suất của Seajoco dễ dàng hơn, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ thay đổi lãi suất đến hoạt động kinh doanh.



- **Rủi ro về khả năng cạnh tranh**

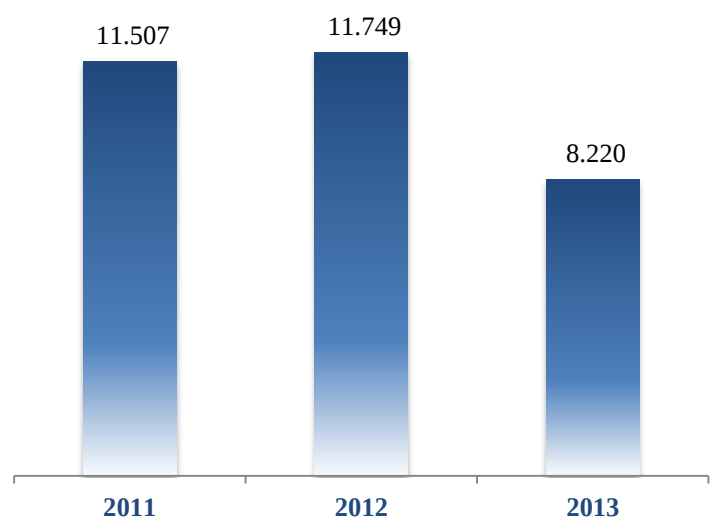
Vào tháng 3, Bộ thương mại Mỹ đã ra phán quyết áp dụng thuế chống bán phá giá xuất khẩu cá da trơn Việt Nam sang Mỹ với mức thuế hầu hết tăng vài chục lần. Hai tháng sau, mức thuế trên được tiếp tục tăng lên khoảng 65% so với mức thuế trước càng làm cho các gánh nặng lớn hơn với các doanh nghiệp thủy sản. Với quyết định này, các doanh nghiệp thủy sản nước ta càng trở nên khó khăn hơn khi xuất khẩu sang một trong các thị trường tiêu thụ thủy sản lớn nhất thế giới, làm giảm sự cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài. Ở thị trường nội địa, việc nâng cao chất lượng sản phẩm và giá thành luôn là sự lo ngại với các doanh nghiệp.

Tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh

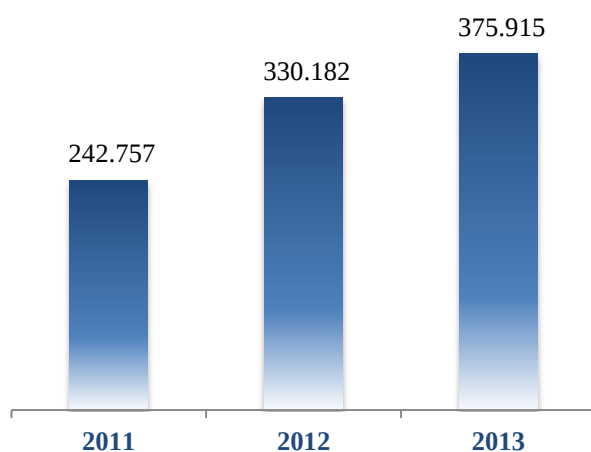
Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% KH 2013	% TH 2012
Doanh thu xuất khẩu	Nghìn USD	11.005	13.000	11.576	89,05%	105,19%
Doanh thu nội địa	Triệu đồng	94.687	-	136.207		143,85%
Doanh thu	Triệu đồng	330.182	300.000	375.915	125,31%	113,85%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.609	15.000	11.235	74,90%	76,90%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.749	11.250	8.220	73,07%	69,96%
Cổ tức	%	15%	17%	17%	100%	113,33%

Năm 2013, hoạt động kinh doanh của ngành thủy sản gặp vô vàn khó khăn, hầu hết các doanh nghiệp trong ngành đều bị sụt giảm mạnh lợi nhuận, thậm chí nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ nặng. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh của SJ1 vẫn khá tích cực khi doanh thu tăng trưởng ổn định so với năm 2012. Trong đó, doanh thu xuất khẩu năm 2013 tăng nhẹ 5,19% so với năm trước, đạt 89,05% so với kế hoạch. Ngoài ra, doanh thu nội địa đạt 136 tỷ, tăng hơn 40% so với cùng kỳ. Theo đó, doanh thu của Công ty tăng 13,85% so với năm 2012, vượt 25,31% so với kế hoạch. Trong tình hình khó khăn chung khi chi phí đầu vào tăng cao, lợi nhuận sau thuế năm 2013 đạt 11,25 tỷ, bằng 69,96% so với năm 2012 và đạt 73,07% so với kế hoạch. Tuy vậy, đây thật sự là kết quả đáng trân trọng và SJ1 thực sự là một trong những doanh nghiệp thành công của ngành thủy sản Việt Nam trong bối cảnh kinh tế bất lợi năm 2013.

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế



Doanh thu

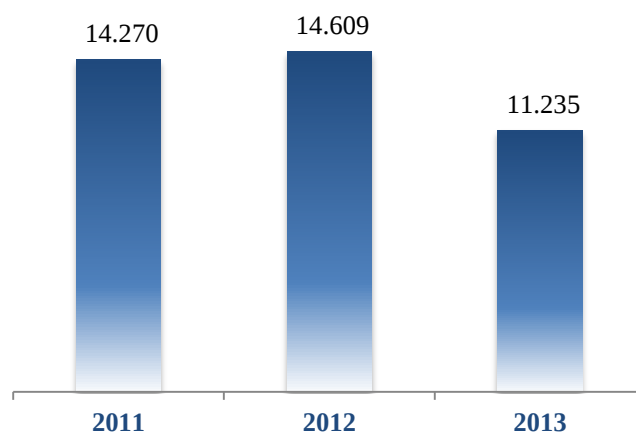


Doanh thu duy trì sự tăng trưởng ổn định khi Công ty giữ vững định hướng phát triển khi tiếp tục khai thác sâu các thị trường tiềm năng như EU, Nhật, các nước Châu Á khác và khu vực Trung Đông, phát triển thêm được một số sản phẩm mới trong nhóm tôm, cá, ghẹ.

Khác với năm 2012, thị trường Nhật đã có sự đóng góp lớn vào tăng trưởng xuất khẩu của Công ty khi kim ngạch xuất khẩu tăng 3,26% so với năm 2012, đạt hơn 93 tỷ đồng. Thật vậy, xuất khẩu sang Châu Á tăng 41,53% so với năm 2012 và xuất khẩu sang các nước khác lần đầu tiên tăng gấp 6 lần so với năm ngoái.

Các dòng sản phẩm cá tiếp tục có đóng góp chủ lực vào tăng trưởng xuất khẩu của Công ty trong năm 2013 với kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh 181,85%. Bên cạnh đó, các dòng sản phẩm khác (bạch tuộc,...) cũng tăng mạnh với mức tăng 61,80%. Các dòng sản phẩm tôm duy trì mức tăng trưởng ấn tượng với mức tăng 43,53%.

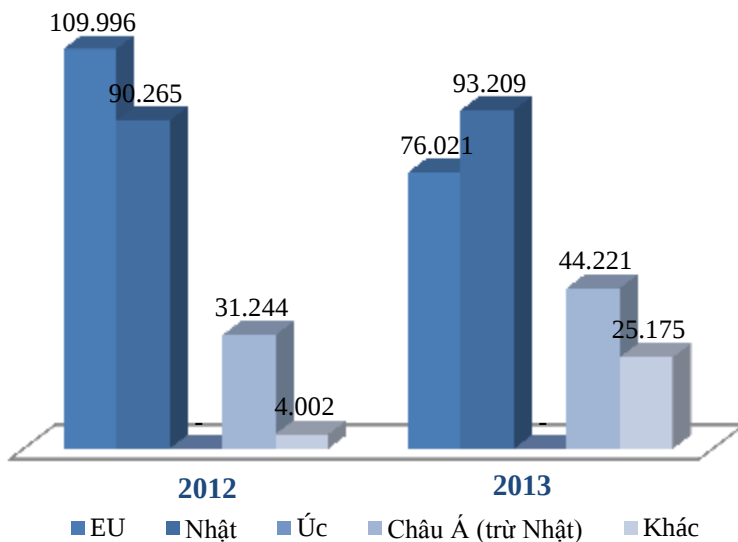
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế



Cơ cấu xuất khẩu

Các thị trường xuất khẩu

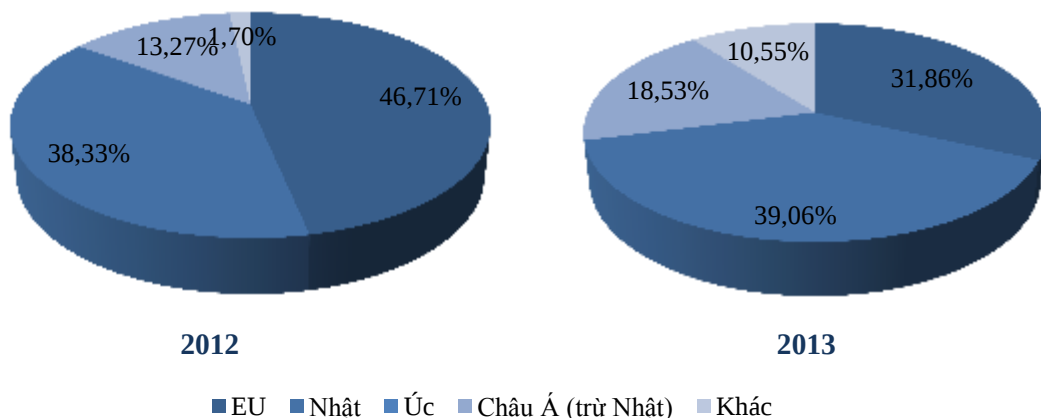
Doanh thu theo thị trường xuất khẩu



Đơn vị tính: triệu đồng

Cơ cấu thị trường xuất khẩu trong năm vừa qua đã có sự thay đổi đáng kể đối với thị trường EU, chiếm tỷ trọng 46,71% trong năm ngoái nhưng đến năm 2013, thị trường EU chỉ ở mức 31,86%, giảm 14,85% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chính là do thị trường châu Âu vẫn chưa phục hồi sau khủng hoảng nợ công làm ảnh hưởng thị trường xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, các thị trường tiềm năng khác (Trinidad & Tobago,...) đã được tập trung khai thác hơn khi ngày càng nâng dần tỷ trọng và duy trì mức 10,55%, thị trường châu Á với mức tăng 5,26% so với năm 2012.

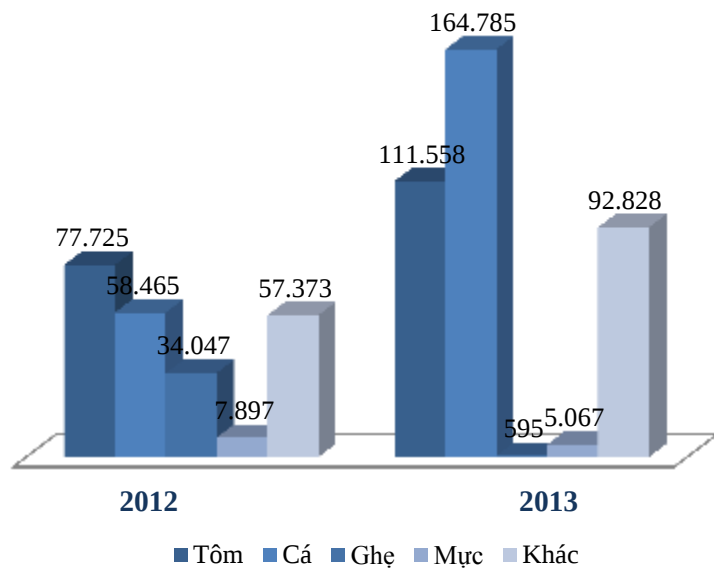
Cơ cấu doanh thu theo thị trường xuất khẩu



Các sản phẩm xuất khẩu

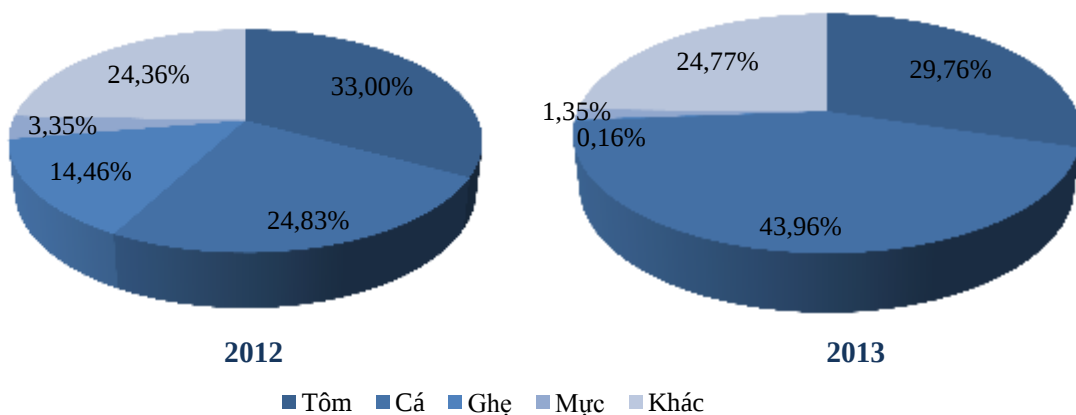
Nhìn chung, trong năm qua doanh các sản phẩm từ cá tăng mạnh, gần gấp ba lần so với năm 2012 với doanh thu đạt 165 triệu đồng. Các sản phẩm từ tôm cũng tăng từ 77.725 triệu đồng lên 111.558 triệu đồng và các sản phẩm khác cũng có mức tăng đáng kể 35.455 triệu đồng so với năm 2012. Bên cạnh đó, thị trường ghẹ đã suy giảm đáng kể khi tỷ trọng chỉ ở mức 0,16%, so với mức 14,46% năm 2012. Thị trường mực có mức giảm tương đối hơn từ 7.897 triệu đồng xuống 5.067 triệu đồng trong năm 2013, chiếm tỷ trọng 1,35% trong doanh thu.

Doanh thu theo nhóm sản phẩm xuất khẩu



Đơn vị tính: triệu đồng

Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm xuất khẩu



Tổ chức và nhân sự

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **TRẦN VĂN HẬU**

Chủ tịch HĐQT

Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh

Năm sinh: 1981

Quá trình công tác:

Từ 11/2012 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Trường Đại học Văn Hiến.

Từ 04/2010 – nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phát Triển Hùng Hậu.

Từ 07/2011 đến nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1.

Từ 2010 đến 07/2011: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1.

Từ 2006 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hùng Cá.

Từ 2005 đến 2006: Giám đốc Công ty Cổ phần Tô Châu.

Từ 2004 đến 2005: Làm việc tại Công ty Sản xuất Thương Mại Toàn Phát.

Nắm giữ 906.510 CP. Trong đó: Cá nhân nắm giữ 36.510 CP, chiếm 0,95% vốn điều lệ. Đại diện cho 870.000 CP của Công ty Cổ phần Phát Triển Hùng Hậu, chiếm 22,59% vốn điều lệ.

Ông **NGÔ ĐỨC DŨNG**

Phó Chủ tịch HĐQT

Kỹ sư Điện Công Nghiệp

Năm sinh: 1960

Quá trình công tác:

Từ 05/2010 – nay: Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1.

Từ 09/2011 - 03/10/2013: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1.

Từ 04/2007 – 04/2010: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1.

Từ 01/2008 – 08/2011: Phó Tổng Giám đốc KT – CĐL Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1.

Từ 07/2000 - 01/2008: Phó Giám đốc KT – CĐL Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1.

Từ năm 1994 đến 07/2000: Trưởng phòng Kỹ thuật điện Xí Nghiệp Mặt Hàng Mới thuộc Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam.

Nắm giữ 805.770 CP. Trong đó: Cá nhân nắm giữ 145.770 CP, chiếm 3,78% vốn điều lệ. Đại diện cho 660.000 CP của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV, chiếm 17,14% vốn điều lệ.



Ông TRẦN ĐỨC DŨNG

Thành viên HĐQT
(kiêm Tổng Giám Đốc)

Cử nhân kinh tế

Năm sinh: 1972

Quá trình công tác:

Từ 04/10/2013 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 11/2012 – 04/10/2013: Phó Tổng Giám đốc Thường Trực Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 10/2011 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 10/2011 – 11/2012: Giám đốc Kinh doanh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 01/07/2011 – nay: Người được ủy quyền Công bố thông tin tại SJ1.

Từ 05/2011 – 09/2011: Phó Tổng Giám đốc thường trực Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 05/2011 – nay: Phó Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hùng Hậu.

Từ 2009 – 11/2011: Công ty TNHH Hùng Cá.

Từ 2008 -2009: Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola.

Từ 2007 – 2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia.

Từ 2006 – 2007: Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola.

Từ 2001 – 2006: Công ty TNHH P & D.

Từ 1995 – 2000: Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola.

Năm giữ 0 CP.

Bà ĐINH THỊ BÍCH HÀ

Thành viên HĐQT
(kiêm Phó Tổng Giám Đốc)

Cử nhân Quản trị - Kinh doanh

Năm sinh: 1986

Quá trình công tác:

Từ 22/01/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 04/2013 – 21/01/2014: Giám đốc kinh doanh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 04/2012 – nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 11/2010 – 2012: Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Kim.

Từ 05/2010 – 11/2012: Trưởng phòng Mua Hàng – Công ty TNHH Hùng Cá.

Từ 08/2009 – 05/2010: Nhân viên Kinh Doanh – Công ty TNHH Hùng Cá.

Từ 08/2008 – 07/2009: Nhân viên Kinh Doanh – Công ty TNHH ĐT Hoàn Châu.

Năm giữ 0 CP.



Ông NGUYỄN TẤN BÌNH

Thành viên HĐQT

Tiến sĩ Quản trị Kinh doanh

Năm sinh: 1958

Quá trình công tác:

Từ 04/2012 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 2012 – nay: Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến.

Từ 2010 – nay: Kiêm nhiệm Viện Phó Viện Nghiên Cứu Khoa Học Lãnh Đạo và Quản Trị Doanh Nghiệp/Hiệp Hội Doanh Nghiệp TPHCM.

2007: Nhận bằng Tiến sĩ (DAB) tại Đại Học Southern California, Hoa Kỳ.

2003: Chuyển về Trường Đại học Mở Tp.HCM, lần lượt các chức vụ: Trưởng phòng Kế Hoạch – Tài Chính, Giám Đốc Trung Tâm CPA, Nghiên cứu khoa học và tham gia giảng dạy các lớp Thạc sĩ: Tài chính, Quản trị kinh doanh.

1998: Giám Đốc INCOMEX (Getranimex)/Bộ GT – VT.

1997: Học tập trung tại Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright (Viện quốc tế phát triển Harvard – HIID (nay thuộc trường Harvard Kennedy, Hoa Kỳ).

1993: Giám đốc Xí nghiệp TRASECO (Getranimex)/Bộ GT – VT; Nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế (ME) tại trường Đại học Kinh tế Tp.HCM.

1988: Kế toán trưởng sau đó là Trưởng Phòng Kinh Doanh TNXP 3 thành phố: TP.HCM – Hà Nội – Hải Phòng.

1987: Kế toán trưởng Tổng đội 6 (Dakmil), Lâm trường Thanh niên.

1985: Tốt nghiệp Trường Đại học Kinh Tế Tp.HCM, tình nguyện về công tác tại Lực lượng TNXP Tp.HCM; Tổ trưởng Tổ Chuyên Quản, Phòng Tài Chính.

Năm giữ 0 CP.

Ông TÔN THẮT

DIỄN KHOA

Thành viên HĐQT

Thạc sĩ Kinh tế

Năm sinh: 1974

Quá trình công tác:

Từ 05/2010 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 03/2008 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Vinaconex – ITC.

Từ 12/2006 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Chứng khoán Rồng Việt.

Từ 07/2006 – nay: Giám đốc Đầu tư tài chính – Ngân hàng TM CP Xuất nhập khẩu VN, TPHCM.

Từ 05/2004 – 06/2006: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh ngoại tệ Ngân hàng TM CP Xuất nhập khẩu VN, TPHCM.

Từ 12/2000 – 04/2004: Phó phòng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP.HCM.

11/1999 – 11/2000: Kiểm soát viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP.HCM.

Từ 08/1995 – 10/1999: Nhân viên phòng kế hoạch – Kinh doanh Ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam, TP.HCM.

Năm giữ 0 CP.



BAN ĐIỀU HÀNH

Ông **TRẦN ĐỨC DŨNG**

Tổng Giám Đốc

(kiểm thành viên HĐQT)

Cử nhân kinh tế

Năm sinh: 1972

Quá trình công tác:

Từ 04/10/2013 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 11/2012 – 04/10/2013: Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 10/2011 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị - Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 10/2011 – 11/2012: Giám đốc Kinh doanh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 01/07/2011 – nay: Người được ủy quyền Công bố thông tin tại SJ1.

Từ 05/2011 – 09/2011: Phó Tổng Giám đốc thường trực Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 05/2011 – nay: Phó Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hùng Hậu.

Từ 2009 – 11/2011: Công ty TNHH Hùng Cá.

Từ 2008 -2009: Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola.

Từ 2007 – 2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia.

Từ 2006 – 2007: Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola.

Từ 2001 – 2006: Công ty TNHH P & D.

Từ 1995 – 2000: Công ty TNHH Nước giải khát Coca Cola.

Năm giữ 0 CP.

Bà **ĐINH THỊ BÍCH HÀ**

Phó Tổng Giám Đốc

(kiểm thành viên HĐQT)

Cử nhân Quản trị- Kinh doanh

Năm sinh: 1986

Quá trình công tác:

Từ 22/01/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 04/2013 – 21/01/2014: Giám đốc kinh doanh Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 04/2012 – nay: Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 11/2010 – 2012: Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Kim.

Từ 05/2010 – 11/2012: Trưởng phòng Mua Hàng – Công ty TNHH Hùng Cá.

Từ 08/2009 – 05/2010: Nhân viên Kinh Doanh – Công ty TNHH Hùng Cá.

Từ 08/2008 – 07/2009: Nhân viên Kinh Doanh – Công ty TNHH ĐT Hoàn Châu.

Năm giữ 0 CP.



Bà TÔ THỊ KIM THỊNH

Phó Tổng Giám Đốc

Cử nhân hóa sinh

Năm sinh: 1962

Quá trình công tác:

Từ 22/01/2014 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1

Từ 10/2011 – 21/01/2014: Giám Đốc Sản Xuất Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 2008 – 10/2011: Phó Tổng Giám Đốc Sản Xuất Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1

Từ 2000 – 2008: Phó Giám Đốc Sản Xuất Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1

Từ 1998 - 2000: Trưởng phòng KCS CTCP Thủy sản Số 1.

Từ 1988 - 1998: Nhân viên KCS Công Ty Cổ Phần Thủy sản số 1.

Nắm giữ 10.500 cổ phiếu, chiếm 0,27% vốn điều lệ.

Ông HUỖNH MINH TÂM

Kế toán trưởng

Cử nhân kế toán

Năm sinh: 1982

Quá trình công tác:

01/2014 – nay: Kế toán trưởng tại Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

06/2012 – 12/2013: Kế toán tại Công Ty Cổ Phần Phát Triển Hùng Hậu.

09/2009 – 05/2012: Kế toán tại Công Ty TNHH KT Và TV Thuế Chiến Thuật.

03/2009 – 08/2009: Kế toán tại Công ty TNHH Xây Dựng Vạn Thành.

Nắm giữ 0 CP.



BAN KIỂM SOÁT

Ông TỪ THANH PHỤNG

Trưởng Ban kiểm soát

Thạc sĩ Tài chính – Kế toán

Năm sinh: 1975

Quá trình công tác:

Từ 04/2012 – nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 2013 – nay: Công tác tại Công ty Cổ phần phát triển Hùng Hậu. Vị trí: Giám đốc Phân phối xăng dầu.

Từ 12/2011 – 12/2012: Công tác tại Công ty CP phát triển Hùng Hậu. Vị trí: Kế toán quản trị.

Từ 2007 – 2010: Học Thạc Sĩ Tài Chính – Kế Toán tại Mỹ.

Từ 2002 – 2007: Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (Cuulong Seapro) – Vị trí: Trưởng văn phòng đại diện tại Tp.HCM.

Từ 1999 – 2002: Công tác tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long (Cuulong Seapro) – Vị trí: Kế toán thanh toán; Phó phòng kế toán.

Từ 1994 – 1998: Học Đại Học tại Tp.HCM.

Nắm giữ 0 CP.

Bà LẠI THỊ GIÁO

Thành viên Ban kiểm soát

Trung cấp thủy sản

Năm sinh: 1968

Quá trình công tác:

Từ 04/2012 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 06/2011 – nay: Phó phòng Tổ chức hành chính Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 06/2010 – nay: Chủ tịch Công đoàn Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 1991 – nay: Công tác tại Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 1986 – 1990: Học tại Trường Trung Cấp Thủy Sản.

Nắm giữ 200 CP, chiếm 0,01% vốn điều lệ.

Ông TRẦN VĂN THẮNG

Thành viên Ban kiểm soát

Kỹ sư Chế biến thực phẩm

Năm sinh: 1980

Quá trình công tác:

Từ 09/2013 – nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 07/2007 – nay: Phó Quản Đốc - Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 03/2004 – 06/2007: Nhân viên QC - Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.

Từ 1998 –2003: Học Trường Đại học Thủy sản cơ sở TPHCM.

Nắm giữ 1.530 CP, chiếm 0,04% vốn điều lệ.



Những thay đổi trong ban điều hành

- Năm 2013

STT	Ban điều hành	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Trần Đức Dũng	1972	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 04/10/2013
2	Ông Nguyễn Đức Hải	1974	Giám đốc Tài chính	Miễn nhiệm từ 07/05/2013
3	Ông Ngô Đức Dũng	1960	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 04/10/2013

- Sau thời điểm kết thúc năm tài chính 2013, đến nay, Công ty đã có sự thay đổi một số nhân sự chủ chốt như sau:

STT	Ban điều hành	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Tô Thị Kim Thịnh	1962	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 22/01/2014
2	Bà Đinh Thị Bích Hà	1986	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 22/01/2014
3	Ông Huỳnh Minh Tâm	1982	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ 02/01/2014
4	Bà Nguyễn Thanh Hà	1979	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm từ 02/01/2014

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên với những chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì chính sách thưởng đột xuất, chính sách thưởng hàng kỳ cho cá nhân và tập thể căn cứ vào những thành tích nỗ lực hoàn thành công việc, năng suất lao động cao, thực hành tiết kiệm và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chất lượng, phương pháp tổ chức sản xuất.

Thực hiện đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn theo quy định pháp luật. Định kỳ cho cán bộ nhân viên khám sức khỏe, tổ chức đi nghỉ mát, duy trì các hoạt động đoàn thể.

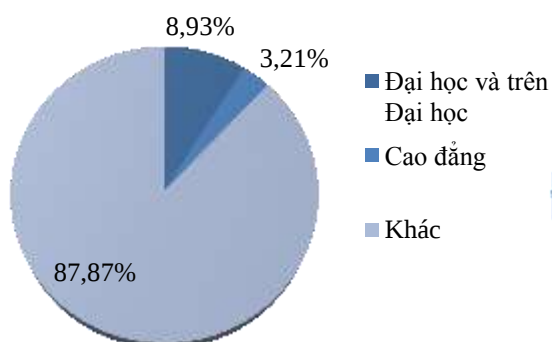


Số lượng cán bộ, nhân viên

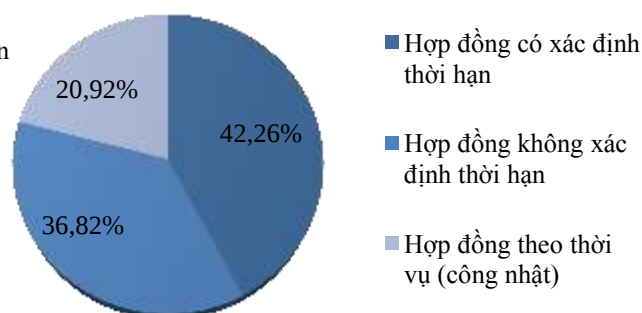
Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng số lượng cán bộ/nhân viên	Người	697	767	717
Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	3.678.752	4.952.646	5.036.905

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	717	100,00%
1	Đại học và trên Đại học	64	8,93%
2	Cao đẳng	23	3,21%
3	Khác	630	87,87%
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	717	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	303	42,26%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	264	36,82%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	150	20,92%

Theo trình độ



Theo tính chất hợp đồng lao động



Năm 2013

Công ty quan tâm đến việc nâng cao trình độ của người lao động và chú trọng vào các hoạt động huấn luyện bồi dưỡng kiến thức về HACCP, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công nhân, nhân viên.

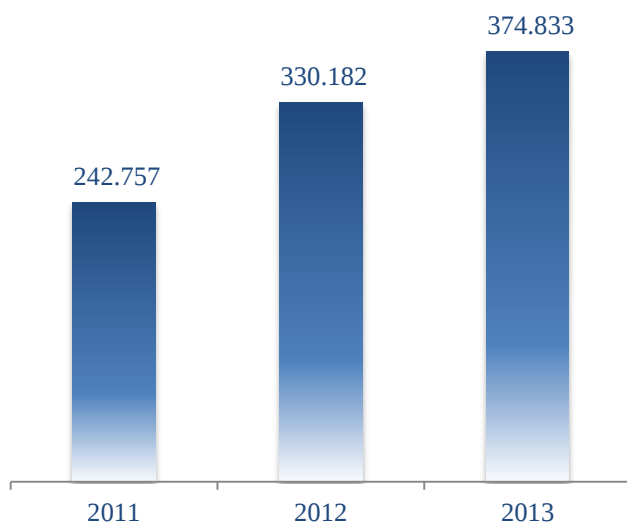


Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

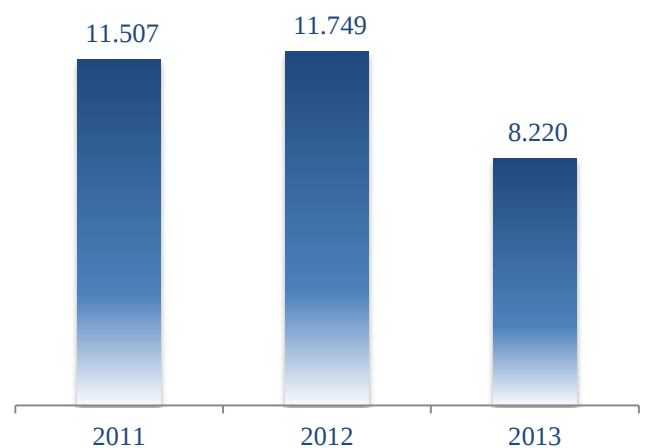
Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2012	2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	190.213	234.498	23,28%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	330.182	374.833	13,52%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	3.715	5.231	40,81%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.609	11.235	-23,10%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.749	8.220	-30,04%
Tỷ lệ cổ tức	%	15%	17%	

Doanh thu thuần

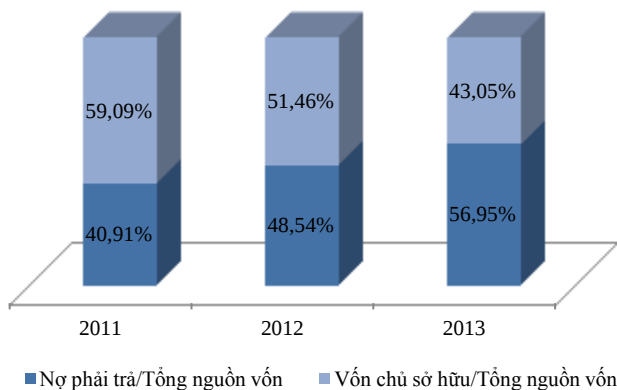


Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,17	1,10
- Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> - Nợ ngắn hạn	Lần	0,63	0,68
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	48,54%	56,95%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	94,32%	132,28%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	6,34	6,42
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,91	1,77
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,56%	2,19%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,41%	8,27%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,81%	3,87%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,30%	1,60%

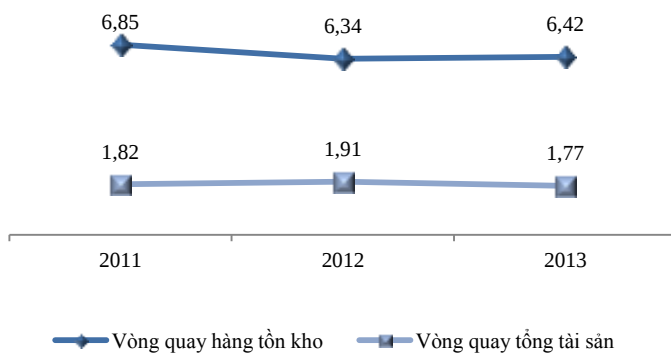
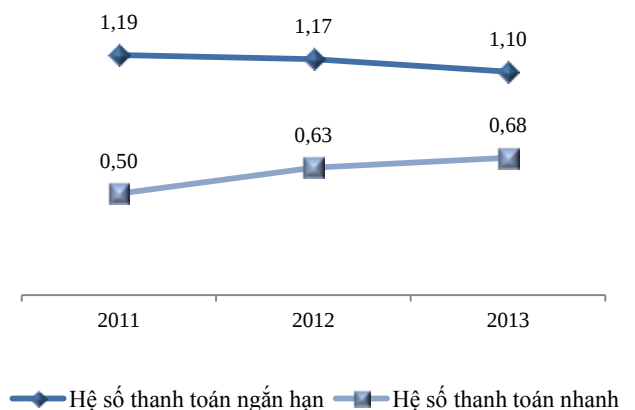


Cơ cấu nguồn vốn

Với quy mô hoạt động ngày càng phát triển và nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất ngày càng tăng, Công ty đã tăng dần tỷ lệ nợ/tổng tài sản qua các năm. Tỷ lệ nợ/tổng tài sản qua 3 năm 2011, 2012, 2013 lần lượt duy trì ở mức 40,91%; 48,54%, 56,95%. Tuy nhiên so với bình quân ngành, tỷ lệ này ở Seajoco vẫn được duy trì ở mức hợp lý và an toàn.

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành qua các năm đến nay có xu hướng giảm, tỷ lệ qua các năm 2011, 2012, 2013 lần lượt là 1,19 lần, 1,17 lần, 1,1 lần. Tuy nhiên tỷ lệ thanh toán hiện hành này vẫn lớn hơn 1 nên khả năng thanh toán của Công ty vẫn được đảm bảo. Trong khi đó, hệ số thanh toán nhanh lại có xu hướng tăng từ 0,63 lần năm 2012 lên 0,68 lần năm 2013. Việc hệ số thanh toán nhanh được cải thiện cho thấy khả năng điều tiết giữa sản xuất và tiêu thụ của công ty khá tốt, hạn chế để hàng tồn kho tăng cao quá mức tiêu thụ, gây tổn kém chi phí.

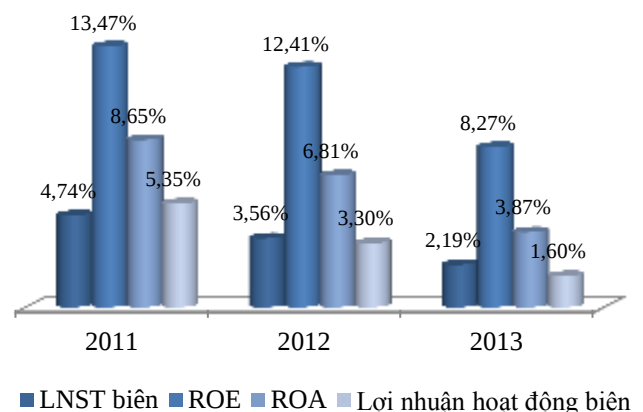


Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ so với năm 2012 do công ty đã cân đối hợp lý giữa sản lượng tiêu thụ và sản xuất, đang duy trì ở mức 6,42 vòng so với mức 6,34 vòng năm 2012. Trong khi đó, vòng quay tài sản giảm nhẹ so với năm 2012, đạt mức 1,77 vòng so với mức 1,91 vòng năm 2012.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi năm 2013 của Công ty đều có xu hướng giảm, trong đó lợi nhuận sau thuế biên đạt 2,19% so với mức 3,56% năm 2012; ROE và ROA duy trì ở mức 8,27%, 3,87%, đều giảm hơn 30% so với tỷ lệ tương ứng năm 2012. Sự suy giảm lợi nhuận sau thuế biên, ROA và ROE là điều tất yếu trong tình hình khó khăn hiện nay, nhưng mức suy giảm của công ty luôn thuộc nhóm thấp trong ngành thủy sản. Sự suy giảm về hiệu quả kinh doanh hay lợi nhuận sụt giảm mạnh là tình hình của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp ngành thủy sản nói riêng.



Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

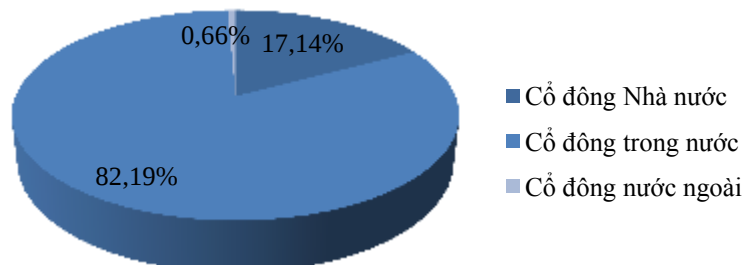
Cổ phần

Tổng số cổ phần phát hành: 3.850.000 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần

Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu cổ đông

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông Nhà nước	660.000	17,14%	1
2	Cổ đông trong nước	3.164.410	82,19%	327
	– Cá nhân	873.170	22,68%	25
	– Tổ chức	2.291.240	59,51%	302
3	Cổ đông nước ngoài	25.590	0,66%	17
	– Cá nhân	1.550	0,04%	3
	– Tổ chức	24.040	0,62%	14
Tổng cộng		3.850.000	100%	345



Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết:

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Công ty Cổ phần Phát Triển Hùng Hậu	736-738 Điện Biên Phủ, P.10, Q.10, Tp.HCM	870.000	22,59%
2	Tổng công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV	2-4-6 Đồng Khởi, Q.1, Tp.HCM	660.000	17,14%



Giao dịch cổ phiếu những người có liên quan đến HĐQT, Ban TGD, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm 2013

Tên cổ đông	Chức vụ/Liên quan	Số CP trước giao dịch	Giao dịch	Số CP đã giao dịch	Số CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
Ngô Đức Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	119.170	Mua	26.600	145.770	17/05/2013 – 14/06/2013
Đinh Thị Bích Hà	Ủy viên HĐQT	223.370	Bán	223.370	0	12/06/2013 – 01/07/2013



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Kinh tế thế giới năm 2013 phục hồi chậm chạp và còn nhiều bất ổn. Tăng trưởng GDP toàn cầu thấp hơn so với năm trước (ở mức 2,4% so với 2,5% của năm 2012) chủ yếu do các nước đang phát triển và mới nổi tăng trưởng chậm lại trong khi phục hồi tăng trưởng của các nước phát triển lại chưa rõ nét. Thực tế, tăng trưởng kinh tế của các nước thuộc khu vực đồng tiền chung châu Âu, đặc biệt là một số nước thành viên đang chịu ảnh hưởng của nợ công vẫn còn rất mờ nhạt. Khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở châu Âu chưa hoàn toàn chấm dứt. Những yếu tố không thuận lợi từ thị trường thế giới đã tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nước ta. Theo đó, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 ước tính tăng 5,42% so với năm 2012. Mức tăng trưởng năm nay tuy

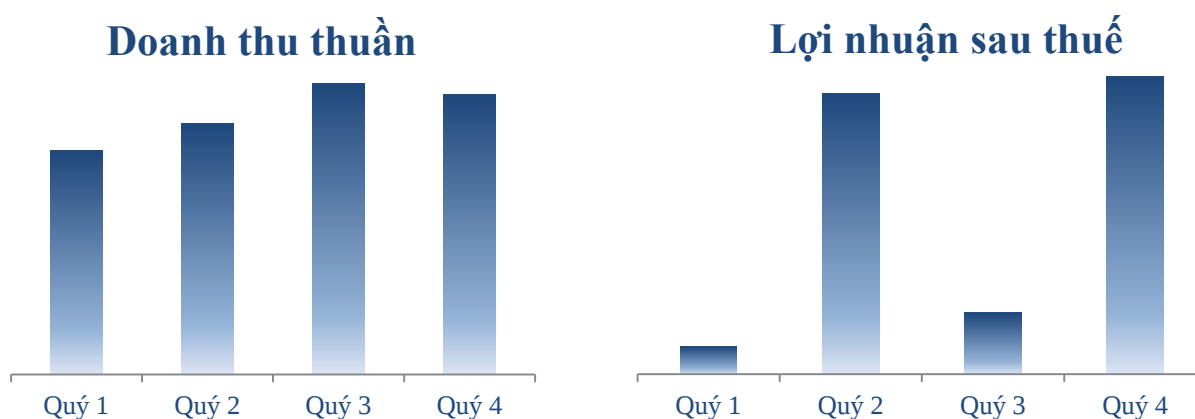
thấp hơn mục tiêu tăng 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012 và có tín hiệu phục hồi. Trong mức tăng 5,42% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,67%. Về phía ngành thủy sản Việt Nam, những khó khăn thường kỳ vẫn chưa có giải pháp phù hợp như dịch bệnh ảnh hưởng đến các nguồn thủy sản, đặc biệt là tôm dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu cho chế biến, gây khó khăn trong hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp. Ngoài ra sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp xuất khẩu cũng gây thiệt hại chung cho hoạt động và hình ảnh sản phẩm thủy sản Việt Nam. Một khó khăn trong tình hình hiện nay là Doanh nghiệp gặp trở ngại trong việc tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng để đầu tư và bổ sung vốn lưu động duy trì hoạt động liên tục.

Trước những khó khăn của nền kinh tế nói chung và ngành thủy sản nói riêng, cũng như những khó khăn xuất phát từ nội tại Doanh nghiệp, Ban lãnh đạo đã đưa ra những giải pháp linh hoạt, kịp thời thay đổi trong tổ chức, nhạy bén với thị trường để đạt được kết quả đáng ghi nhận như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	% KH 2013	% TH 2012
Kim ngạch xuất khẩu	Nghìn USD	11.005	13.000	11.576	89,05	105,2%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	330.182	300.000	374.833	124,94%	113,5%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	14.609	15.000	11.235	74,90%	76,9%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	11.749	11.250	8.220	73,07%	69,9%
Tỉ lệ cổ tức	%	15%	17%	17%	100,00%	113,33%



So với chỉ tiêu thực hiện năm 2013, doanh thu thuần và kim ngạch xuất khẩu vẫn duy trì mức tăng trưởng lần lượt 13,5% và 5,2%. Mức tăng trưởng chỉ bằng 1/3 so với mức tăng 2012 nhưng doanh thu thuần vượt đến 24,94% so với kế hoạch. Về lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế chỉ đạt mức 69,9% so với thực hiện 2012 và duy trì bằng 73,07% so với kế hoạch đã đề ra. Tuy vậy đây thật sự là kết quả đáng trân trọng khi kết quả kinh doanh đã có sự chuyển biến và bứt phá rõ nét vào thời điểm quý IV/2013. Thực tế, lợi nhuận quý IV/2013 đóng góp gần 50% lợi nhuận của cả năm 2013.



Mặc dù, lợi nhuận năm 2013 không đạt so với kế hoạch nhưng doanh thu thuần vượt gần 25% kế hoạch thật sự là điểm sáng trong tình hình thị trường gặp nhiều khó khăn và sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp cùng ngành.

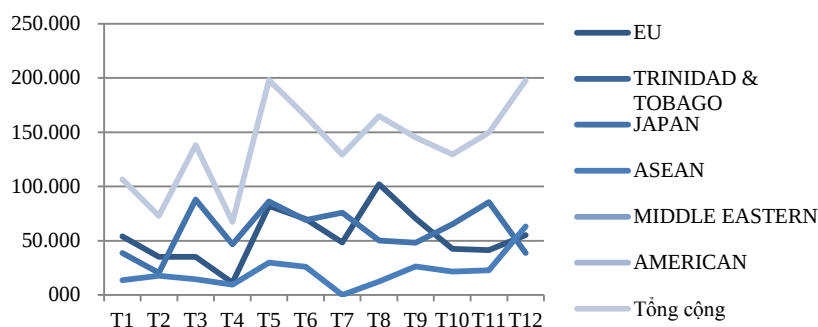


Về thị trường

Nhật vẫn là thị trường có đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng doanh thu xuất khẩu của công ty khi chiếm tỷ trọng 38,21% tổng doanh thu xuất khẩu, tương ứng giảm 8,5% so với tỷ trọng 46,7% ở năm 2012. Bên cạnh thị trường lâu năm Nhật Bản, thị trường EU cũng ghi nhận giảm 7,17% tỷ trọng khi duy trì ở mức 31,16% trong tổng doanh thu. Nguyên nhân các thị trường truyền thống có xu hướng giảm tỷ trọng một phần là do có sự tăng trưởng đáng kể của một số thị trường mới. Lần đầu tiên, sản phẩm của Công ty đã tiếp cận được thị trường Trinidad & Tobago và mang lại 113 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 0,98% trong tổng doanh thu xuất khẩu. Ngoài ra, thị trường mới như Mỹ cũng đóng góp 333,2 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 2,88% trong tổng doanh thu xuất khẩu. Việc tiếp cận và mở rộng thị trường mới là một trong các chủ trương mà Công ty tập trung triển khai vào cuối năm 2013 và định hướng trong tương lai.

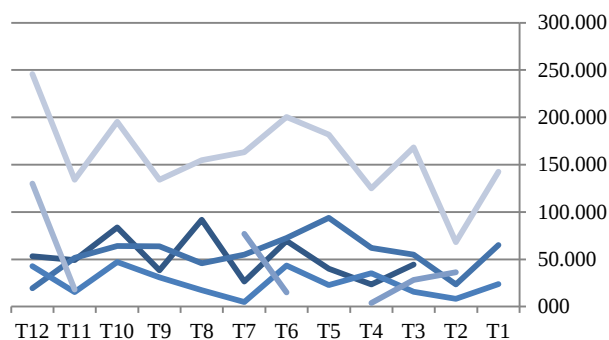
Khối lượng

Năm 2012



Đơn vị: KGs

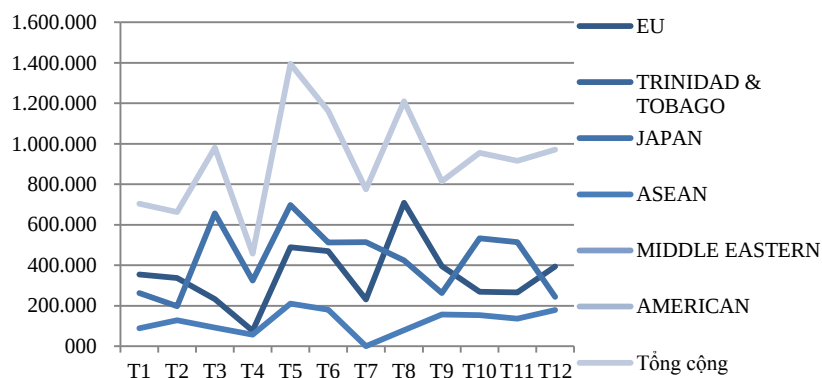
Năm 2013



Đơn vị: KGs

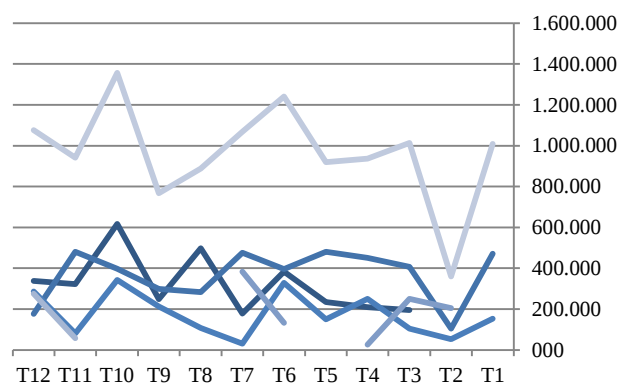
Doanh thu

Năm 2012



Đơn vị: USD

Năm 2013



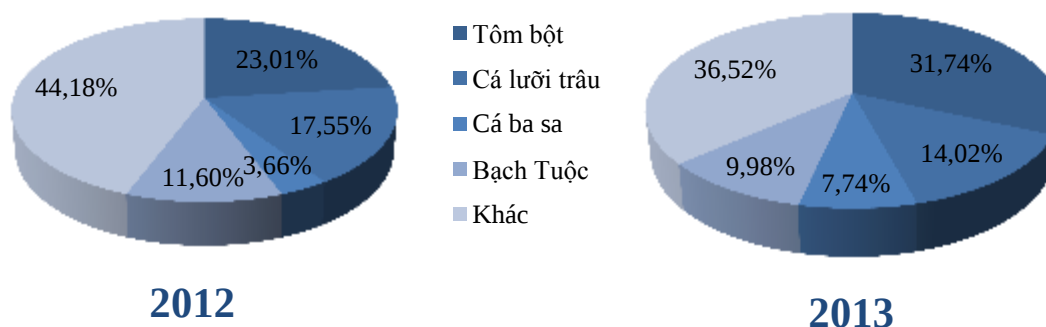
Đơn vị: USD



Về sản phẩm

Đến nay, các dòng sản phẩm truyền thống của Công ty như tôm bột, cá lưỡi trâu, bạch tuộc, tôm cuộn khoai tây, v.v... tiếp tục đóng vai trò chủ yếu trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Công ty. Trong năm 2013, doanh thu xuất khẩu tăng nhẹ 5,19%, đạt 89,05% so với kế hoạch. Tuy vậy, doanh thu xuất khẩu theo nhóm sản phẩm ghi nhận sự tăng trưởng đặc biệt của sản phẩm tôm bột, mang lại doanh thu tăng 1.142 nghìn USD, tương ứng tăng 45% so với năm 2012, chiếm tỷ trọng 31,74% so với mức 23,01% năm 2012 trong tổng doanh thu xuất khẩu của Công ty. Ngoài ra, có một sự tăng trưởng ấn tượng trong sản phẩm cá basa xuất khẩu, doanh thu cá basa đạt 896 nghìn USD, tăng 493 nghìn USD, tương ứng tăng 122% so với năm 2012, chiếm tỷ trọng 7,74% trong tổng doanh thu xuất khẩu. Đây thật sự là hướng đi mới, khi công ty tập trung phát triển sản phẩm cá basa vì những điều kiện thuận lợi như nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định do đã có vùng nuôi, chất lượng đảm bảo. Với định hướng này, cá basa sẽ tiếp tục góp phần tăng trưởng doanh thu xuất khẩu trong tương lai.

Cơ cấu doanh thu theo nhóm sản phẩm



Mặc dù Ban điều hành đã đưa ra rất nhiều ý tưởng và các giải pháp linh hoạt giúp doanh thu tăng trưởng nhưng với những khó khăn của thị trường nói chung và đặc biệt là sự biến động của nguyên liệu đầu vào như giá nguyên liệu tôm, cua, v.v... hay các nguyên liệu chế biến như rau củ, gia vị, v.v... tăng vượt mức dự báo (khoảng 20%) đã dẫn đến lợi nhuận giảm và không đạt như kỳ vọng. Thực tế, doanh thu thuần tăng 13,52% nhưng giá vốn tăng đến 15,97%. Ngoài ra, chi phí lãi vay tăng 2,3 tỷ, tương ứng tăng 69,31% đã ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận của Công ty trong năm 2013. Tuy vậy, với kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 8,22 tỷ thật sự là kết quả đáng trân trọng trong bối cảnh hầu hết các doanh nghiệp thủy sản gặp rất nhiều khó khăn và bài toán lợi nhuận còn nhiều nan giải.

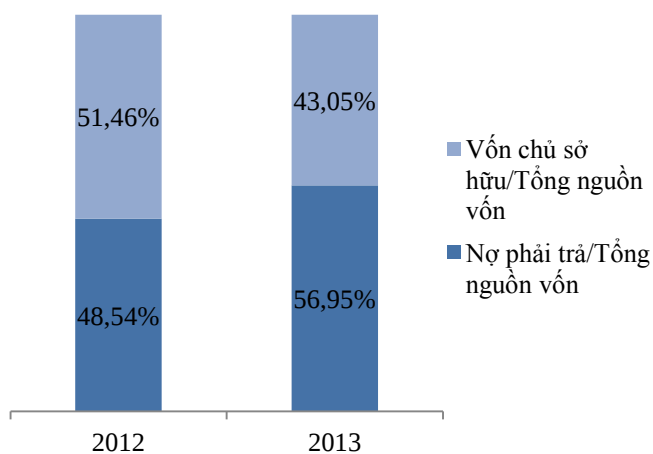
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

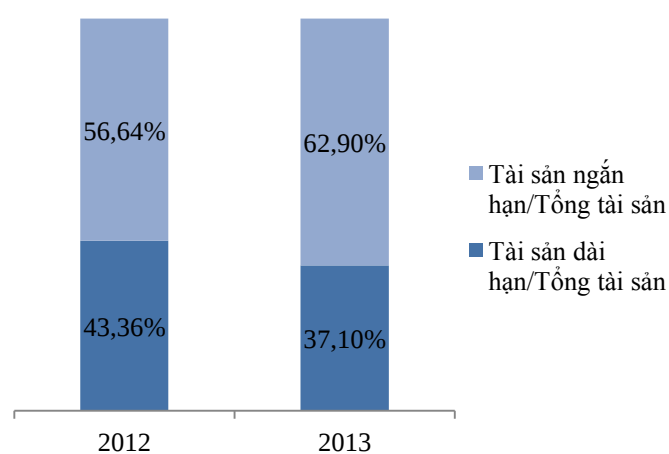
Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013
1. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	48,54	56,95
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	51,46	43,05
2. Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản			
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	43,36	37,10
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	56,64	62,90
3. Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản			
Vòng quay tổng tài sản	%	1,91	1,77

Cơ cấu nguồn vốn



Cơ cấu tài sản



Nhìn chung, các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy sản đều mang nét đặc thù trong cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn là tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản và nợ vay chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu nguồn vốn.

Về cơ cấu tài sản

Tổng giá trị tài sản công ty đến hết năm 2013 đạt 234 tỷ đồng, tăng 23% so với năm 2012. Tài sản ngắn hạn tăng 36,92% do khoản trả trước cho các nhà cung cấp tăng 15 tỷ, tương ứng tăng 305% và khoản đầu tư ngắn hạn tăng 7 tỷ, tương ứng tăng 100%, tuy nhiên đây là khoản tiền gửi đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh Hà Nội; tài sản dài hạn của công ty tăng nhẹ 5,47% so với năm 2012. Cơ cấu tài sản vẫn ở mức ổn định, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng nhẹ từ mức 56,64% lên 62,90%.

Về cơ cấu nguồn vốn:

Các doanh nghiệp ngành thủy sản nói chung và Công ty nói riêng có chỉ số nợ phải trả thường chiếm tỷ trọng cao hơn tổng nguồn vốn. Nếu trong năm 2012, vốn chủ sở hữu chiếm đến 51,46% trong tổng nguồn thì đến năm 2013, tỷ lệ này chỉ ở mức 43,05%. Để đáp ứng nhu cầu bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã tăng các khoản vay ngắn hạn, so với năm 2012, khoản vay và nợ ngắn hạn tăng 38 tỷ, tương ứng tăng 57,84%. Các khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất, tiền gửi có kỳ hạn và thành phẩm hàng tồn kho với giá trị ghi sổ không thấp hơn 2.000.000 USD. Một trong những khó khăn hiện nay của doanh nghiệp nói chung và Seajoco nói riêng là việc tiếp cận nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh.



Về hiệu quả sử dụng tài sản:

So với năm 2012, hiệu quả sử dụng tài sản có xu hướng giảm nhẹ và đạt mức 1,77 lần. Tuy nhiên đây vẫn là mức trung bình so với hệ số vòng quay tài sản bình quân ngành.

Về ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Để đáp ứng cho nhu cầu vốn lưu động, hiện tại Công ty đang sử dụng nguồn vốn vay với giá trị 104 tỷ đồng (Công ty không có nợ vay dài hạn). Trong năm 2013, chi phí lãi vay đã ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh. Theo đó, nếu lãi suất chưa có dấu hiệu giảm sẽ tiếp tục gây áp lực cho Công ty trong việc trả lãi và ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh là điều khó tránh khỏi. Trong năm 2013, Ngân hàng nhà nước đã nhiều lần giảm lãi suất huy động và cho vay nhưng theo các chuyên gia kinh tế, lãi suất cho vay vẫn đang ở mức cao so với khả năng của các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Theo đó, trong năm 2014, lãi suất dự báo sẽ được Ngân hàng nhà nước điều hành ổn định với xu hướng giảm. Do đó, rủi ro về lãi suất của công ty sẽ ở mức kiểm soát được.

Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái:

Với hoạt động là xuất khẩu nên phần lớn doanh thu của Seajoco là ngoại tệ nên sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng nhất định đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

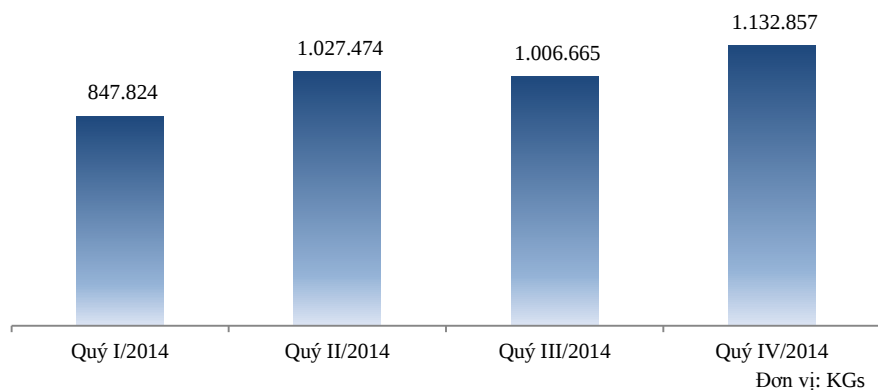
Với nhận thức rõ những khó khăn trước mắt và đã từng bước chuẩn bị, lên kế hoạch cho sự phát triển bền vững trong tương lai, Ban điều hành đề ra kế hoạch một số các thận trọng cho năm 2014 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014					%Tăng/giảm so với 2013
			Quý I/2014	Quý II/2014	Quý III/2014	Quý IV/2014	Cả năm	
1	Sản lượng bán hàng và cung cấp dịch vụ (KGs)		847.824	1.027.474	1.006.665	1.132.857	4.014.819	
2	Doanh thu thuần	374.832.977.924	83.155.846.513	105.204.966.745	106.469.066.782	110.119.798.631	404.949.678.671	8,03%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	6.003.643.241	1.067.137.630	3.449.589.238	4.035.716.967	3.974.552.539	12.526.996.376	108,66%
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.234.642.252	1.711.009.364	3.991.589.238	4.578.716.967	4.517.552.539	14.798.868.110	31,73%
5	Lợi nhuận kế toán sau thuế	8.220.285.042	1.283.257.023	2.993.691.929	3.434.037.726	3.388.164.405	11.099.151.082	35,02%

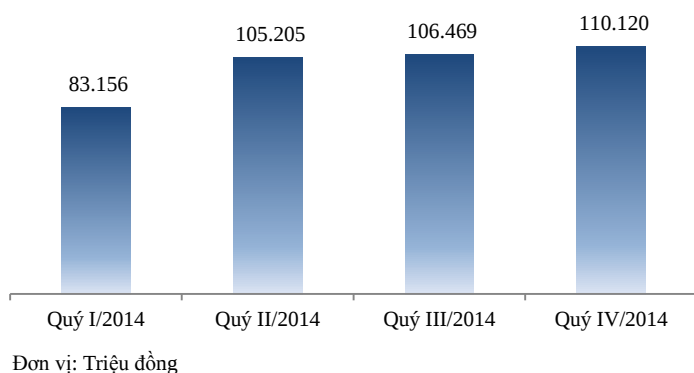
Đơn vị tính: đồng



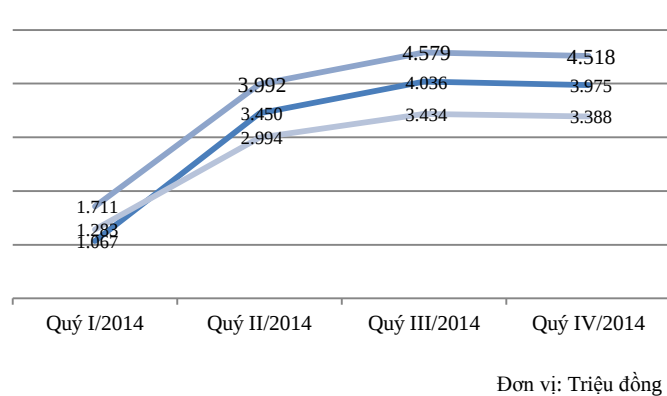
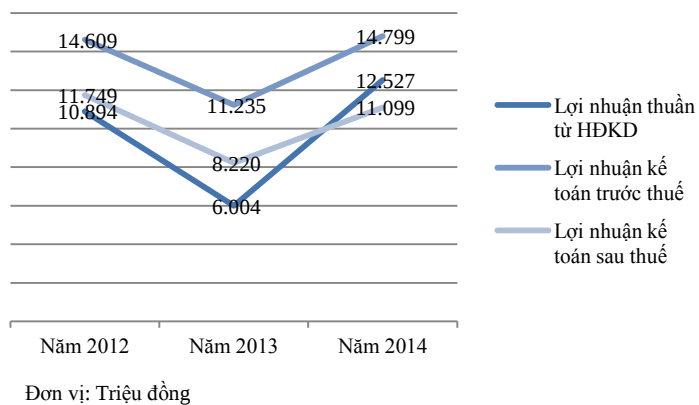
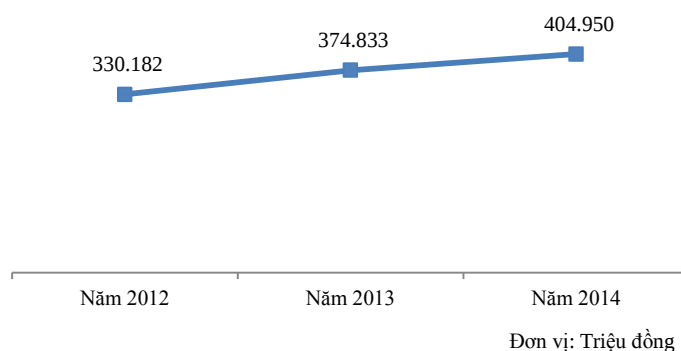
Kế hoạch sản lượng bán hàng và cung cấp dịch vụ



Kế hoạch doanh thu thuần



Tăng trưởng doanh thu thuần



Giải pháp thực hiện

Ban điều hành đề ra các giải pháp thực hiện cụ thể để đạt được kế hoạch kinh doanh 2014 như sau:



Tập trung sản xuất

Tiến hành sắp xếp, bố trí máy móc phục vụ sản xuất một cách khoa học để khai thác tối đa công suất của máy móc, thiết bị;

Xây dựng đơn giá sản xuất phù hợp nhằm tạo động lực làm việc cho đội ngũ công nhân.

Về công tác bán hàng

Chú trọng công tác triển khai bán hàng, tìm kiếm đối tác mới tại các thị trường mà Seajoco đã xây dựng được uy tín, thương hiệu đã được nhận diện;

Tập trung đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng thông qua các khóa huấn luyện nội bộ từ các thành viên có kinh nghiệm, tham gia các khóa đào tạo từ các tổ chức tư vấn kết hợp tuyển dụng đội ngũ bán hàng, phát triển thị trường có kinh nghiệm;

Triển khai chiến dịch cam kết hoàn thành mục tiêu doanh số của từng thành viên trong đội ngũ bán hàng.



Kiểm soát chi phí

Kiểm soát chi phí thông qua việc xây dựng kế hoạch chi phí cụ thể của từng bộ phận, phòng ban. Theo đó, các bộ phận này sẽ chịu trách nhiệm, cân nhắc các chi phí trong từng giai đoạn nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

Về nhà cung cấp

Ra soát, xem xét lại toàn bộ các nhà cung cấp nguyên vật liệu đầu vào;

Thiết lập, xây dựng quy trình lựa chọn giám sát và đánh giá các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào được cung cấp bởi các đơn vị uy tín, chất lượng, phù hợp với sản phẩm của Công ty.

Về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013

Kết quả hoạt động SXKD	2012	2013	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	330.182	375.915	45.733	13,85%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	330.182	374.833	44.651	13,52%
Giá vốn hàng bán	294.277	341.283	47.006	15,97%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	35.905	33.550	(2.356)	-6,56%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.894	6.004	(4.891)	-44,89%
Lợi nhuận khác	3.715	5.231	1.516	40,81%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.609	11.235	(3.375)	-23,10%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.749	8.220	(3.529)	-30,04%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	3.052	2.136	(916)	-30,01%

Đơn vị: Triệu đồng

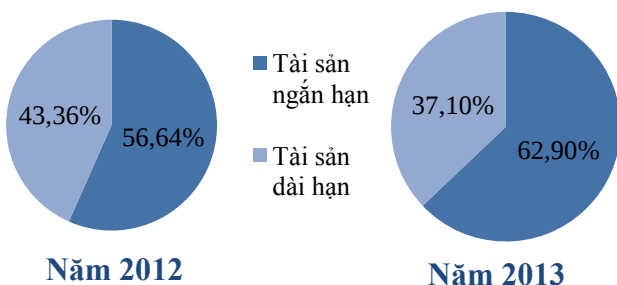
TÀI SẢN	2012	2013	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	107.736	147.510	39.774	36,92%
Tài sản dài hạn	82.476	86.988	4.511	5,47%
Tổng tài sản	190.213	234.498	44.285	23,28%

Đơn vị: Triệu đồng

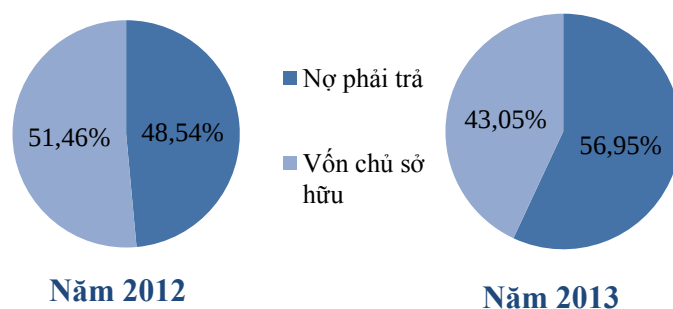
NGUỒN VỐN	2012	2013	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
Nợ phải trả	92.326	133.544	41.217	44,64%
Nợ ngắn hạn	92.326	133.544	41.217	44,64%
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	97.886	100.954	3.068	3,13%
Tổng nguồn vốn	190.213	234.498	44.285	23,28%

Đơn vị: Triệu đồng

Cơ cấu tài sản



Cơ cấu nguồn vốn



Về công tác tổ chức, quản lý

Trong năm 2013, Công ty đã có sự thay đổi nhân sự quan trọng là lãnh đạo các bộ phận phòng ban để phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển mới.

Về nghiên cứu sản phẩm

Tăng cường nghiên cứu nhu cầu thị trường để đưa ra các dòng sản phẩm mới phù hợp thị hiếu luôn thay đổi của người tiêu dùng. Trong năm 2013, Công ty đã tập trung triển khai và đẩy mạnh sản phẩm cá tra tẩm bột và cá tra marine vì một số yếu tố như nguyên liệu đầu vào ổn định, sản xuất với số lượng lớn. Theo đó, kỳ vọng các sản phẩm này sẽ giúp tăng trưởng đột biến về doanh thu.

Về phát triển thị trường

Tích cực tham gia hội chợ trong và ngoài nước. Tận dụng tối đa cơ hội chào hàng đến các đối tác thông qua các chuyến viếng thăm trực tiếp của đối tác hoặc được các Sở ban ngành giới thiệu. Thực tế, trong năm 2013, Công ty đã tham gia 3 hội chợ (trong đó tham gia hội chợ trong nước vietfish vào 25-27/06, hội chợ nước ngoài Boston vào 10-12/03, Brussel vào 23-25/04 và China vào 05-07/11) và tiếp đón 130 đối tác đến tìm hiểu và ký kết hợp đồng. Lần đầu tiên, Công ty đã giới thiệu, chào bán sản phẩm thành công đến thị trường Trinidad & Tobago.



Về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trên tinh thần vì lợi ích chung của Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đã có những trao đổi, góp ý thẳng thắn và mang tính xây dựng với Ban Giám đốc trong công tác tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã có sự chuẩn bị chu đáo trước những biến động khó lường trên thị trường nói chung và của ngành thủy sản nói riêng. Theo đó, Ban Giám đốc đã thể hiện sự quyết tâm, chủ động, linh hoạt trong điều hành, giúp tập thể Seajoco vững bước vượt qua từng khó khăn và tin tưởng vào triển vọng phát triển ổn định trong tương lai. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đã được Ban Giám đốc thực hiện đầy đủ, kịp thời theo đúng chức năng và quyền hạn đã được quy định.

Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1 hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, chế biến thủy sản, những khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam đã gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2013. Trong khi nhiều doanh nghiệp ngành thủy sản ngừng hoạt động hoặc phải hoạt động cầm chừng, thu hẹp quy mô, Seajoco vẫn đảm bảo hoạt động ổn định, tăng trưởng doanh thu. Đây là một thành công đáng ghi nhận của Công ty trong năm vừa qua, trong đó có sự đóng góp đáng trân trọng của Ban Tổng Giám đốc



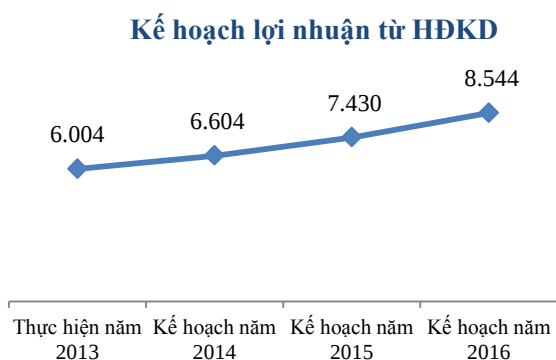
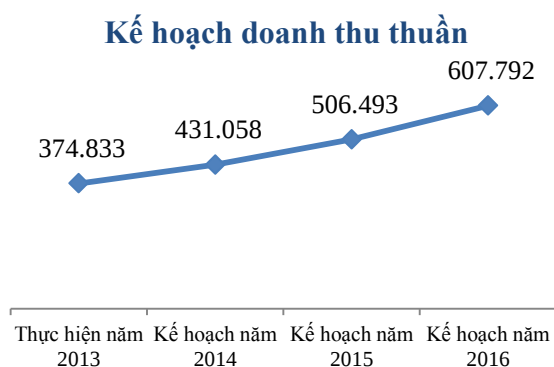
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hiện tại ngành thủy sản Việt Nam đang đối mặt với rất nhiều khó khăn và thách thức như thiếu nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu, vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, rào cản thương mại và xu hướng bảo hộ ngày càng tăng. Tuy vậy, với lợi thế và uy tín đã tạo dựng trong thời gian qua, tiềm năng tăng trưởng dài hạn cho ngành thủy sản Việt Nam vẫn được đánh giá khá tốt vì một số yếu tố như: vị trí và điều kiện tự nhiên thích hợp cho hoạt động thủy sản, nhu cầu tiêu thụ thủy sản toàn cầu được dự báo tiếp tục tăng và nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Chính phủ.

Về phía doanh nghiệp, với hoạt động kinh doanh chính là xuất khẩu và đã được các đối tác quốc tế (những thị trường khó tính như Nhật, Mỹ, Eu, v.v...) tin dùng, là thương hiệu của các sản phẩm chất lượng cao, Hội đồng quản trị kiên định với chiến lược tập trung phát triển dựa trên thế mạnh của Công ty có giá trị cốt lõi là kinh nghiệm chế biến và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ các nguyên liệu thủy sản, Hội đồng quản trị tin tưởng và thận trọng đề ra các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trung hạn như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2013	Kế hoạch Năm 2014		Kế hoạch Năm 2015		Kế hoạch Năm 2016	
			Giá trị	% tăng/2013	Giá trị	% tăng/2014	Giá trị	% tăng/2015
1	Doanh thu thuần	374.833	431.058	15%	506.493	17,50%	607.792	20%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	6.004	6.604	10%	7.430	12,50%	8.544	15%
3	Cổ tức	17%						

Đơn vị tính: Triệu đồng



Để thực hiện kế hoạch như trên, Hội đồng quản trị đã thảo luận và chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các giải pháp cụ thể và tiến hành tổ chức, thực hiện, triển khai ngay từ đầu năm 2014. Một số kế hoạch hành động cụ thể như:

- Thành lập nhóm tái cấu trúc Seajoco với các thành viên là nhân sự nòng cốt của các bộ phận kết hợp với đơn vị tư vấn nhiều kinh nghiệm;
- Nghiên cứu, khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có như: quỹ đất, nhà máy Tân Phú Trung, v.v...;
- Phân công và sử dụng nhân sự phù hợp để phụ trách 2 lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng với nguyên liệu thủy sản và các dự án về giáo dục.



Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trần Văn Hậu	Chủ tịch HĐQT	09/09	100%	
2	Ông Ngô Đức Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	08/09	89%	Vắng: 01 (phiên họp 15/07/2013)
3	Ông Trần Đức Dũng	Thành viên HĐQT	09/09	100%	
4	Bà Định Thị Bích Hà	Thành viên HĐQT	09/09	100%	
5	Ông Nguyễn Tấn Bình	Thành viên HĐQT	09/09	100%	
6	Ông Tôn Thất Diên Khoa	Thành viên HĐQT	09/09	100%	



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Giám sát chặt chẽ công tác quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc để phối hợp cùng HĐQT đưa ra các quyết định kịp thời nhằm xử lý nhanh, chính xác các vướng mắc trong kinh doanh, tận dụng các cơ hội thị trường nhằm đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu mà ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra;

- Giám sát, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc chủ động mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới, phát triển các dòng sản phẩm mới, kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động kinh doanh để duy trì tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận;
- Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2013 vào ngày 16/04/2013;
- Sửa đổi Điều lệ và thay đổi Website của Công ty;
- Tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường vào ngày 14/09/2013;
- Kiểm tra và theo dõi việc công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.



Nghị quyết hội đồng quản trị: Xem phụ lục

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng Quản trị.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

Tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 15/07/2013 của Hội Đồng Quản Trị đã thông qua việc thành lập các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị như sau:

- Tiểu ban về Phát triển nguồn nhân lực: Ông Trần Văn Hậu – Chủ tịch HĐQT là Trưởng ban;
- Tiểu ban về lương thưởng: Ông Tôn Thất Diên Khoa – TV HĐQT độc lập là Trưởng ban;
- Tiểu ban về Chiến lược phát triển: Ông Nguyễn Tấn Bình – TV HĐQT Độc lập là Trưởng ban.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm



Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Năm 2013, Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, tổ chức 4 cuộc họp (1 Quý/lần). Để thực hiện nhiệm vụ theo quy định trong điều lệ, Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Ban.
- Ban kiểm soát đã đề ra phương thức hoạt động, trong quá trình hoạt động các thành viên theo chức năng nhiệm vụ được phân công luôn bám sát quy chế và điều lệ để thực thi nhiệm vụ.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2013:

- Lần 1: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2013.
- Lần 2: Báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh Quý II/2013 và 6 tháng đầu năm 2013.
- Lần 3: Báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh Quý III/2013 và 9 tháng đầu năm 2013.
- Lần 4: Báo cáo tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh Quý IV/2013.



Đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã kiểm tra Báo cáo tài chính hàng quý, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, tính hợp lý của các số liệu kế toán. Ban kiểm soát đánh giá: Báo cáo tài chính năm của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cân đối kế toán của đơn vị cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định của pháp luật.

Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ việc công bố thông tin đại chúng và các báo cáo gửi Ủy Ban chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát không phát hiện bất kỳ trường hợp bất thường, sai sót trọng yếu nào trong hoạt động tài chính của công ty.



Kiểm soát công tác tổ chức, hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2013 là một năm vô cùng khó khăn của ngành thủy sản Việt Nam nói chung, trong đó tâm điểm là ngành chế biến tôm xuất khẩu. Bên cạnh đó, khả năng tiếp cận vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gặp khó khăn, nguồn nguyên liệu cho chế biến bị thiếu hụt do hội chứng tôm chết sớm. Trong khi đó, các thị trường xuất khẩu lại đồng loạt gặp trở ngại do kinh tế khó khăn, cùng với những rào cản kỹ thuật về kháng sinh ngày càng khắt khe hơn làm cho nhu cầu suy giảm mạnh. Hai tác động khó khăn cả từ bên trong và bên ngoài đã làm lợi nhuận của hầu hết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tôm bị suy giảm mạnh, thậm chí nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ nặng, phá sản.

Trước bối cảnh đó, Ban Kiểm soát đánh giá cao HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực rất lớn, đã thể hiện

sự chủ động, linh hoạt trong điều hành giúp giảm thiểu tối đa các thiệt hại cho Công ty trong hoạt động kinh doanh. Với những giải pháp hợp lý và sự phấn đấu của toàn thể CBCNV, Công ty đã duy trì tăng trưởng doanh thu theo mục tiêu của ĐHĐCĐ và HĐQT đã đề ra.

Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thông báo và phối hợp cùng Hội đồng quản trị đưa ra các quyết định, xử lý nhanh các vướng mắc trong kinh doanh, tận dụng cơ hội thị trường, đảm bảo thực hiện tốt nhất các mục tiêu mà ĐHĐCĐ và Hội đồng Quản trị đã đề ra.

Công tác điều hành hoạt động của Công ty đã thực hiện đúng theo điều lệ Công ty, các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều được thông báo đầy đủ đến Ban kiểm soát.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2013: 1,5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế TNCN phát sinh cá nhân tự đóng.

Thưởng cho Ban Giám đốc và cán bộ chủ chốt năm 2013: 1,5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế TNCN phát sinh cá nhân tự đóng.

(Căn cứ theo tờ trình số 01/TTr-DHĐCD về thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2013 sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 vào ngày 26 tháng 04 năm 2014)

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng, ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngô Đức Dũng	PCT HĐQT	119.170	3,1%	145.770	3,79%	Mua
2	Đinh Thị Bích Hà	TV HĐQT GDKD	223.370	5,8%	0	0%	Bán





Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0193/2014/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN SỐ 1

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thủy sản số 1, được lập ngày 23 tháng 01 năm 2014, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thủy sản số 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO ĐƯỢC LẬP BẰNG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH CÓ GIÁ TRỊ NHƯ NHAU. BẢN TIẾNG VIỆT LÀ BẢN GỐC KHI CẦN ĐỔI CHIỀU.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.510.416.483	107.736.493.131
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.916.469.905	1.098.463.081
1.	Tiền	111		1.916.469.905	1.098.463.081
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.000.000.000	7.000.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	14.000.000.000	7.000.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.466.446.245	44.767.319.338
1.	Phải thu khách hàng	131	V.3	46.051.995.539	39.486.718.077
2.	Trả trước cho người bán	132	V.4	20.211.300.662	4.987.507.128
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.5	203.150.044	293.094.133
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		56.823.928.413	49.521.929.043
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	56.823.928.413	49.521.929.043
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		8.303.571.920	5.348.781.669
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	250.059.268	380.979.226
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.761.653.276	4.702.978.703
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	231.859.376	264.823.740
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	60.000.000	-

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		86.987.527.967	82.476.345.621
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		240.520.000	368.601.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.10	240.520.000	368.601.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		83.074.838.710	79.466.875.109
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	66.316.311.982	62.247.423.942
	<i>Nguyên giá</i>	222		91.786.057.442	84.004.298.742
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(25.469.745.460)	(21.756.874.800)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	14.477.151.442	14.561.924.254
	<i>Nguyên giá</i>	228		15.430.874.495	15.188.574.495
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(953.723.053)	(626.650.241)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	2.281.375.286	2.657.526.913
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		225.500.000	225.500.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	225.500.000	225.500.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		3.446.669.257	2.415.369.512
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	3.446.669.257	2.415.369.512
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		234.497.944.450	190.212.838.752



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		133.543.813.535	92.326.464.115
I.	Nợ ngắn hạn	310		133.543.813.535	92.326.464.115
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	104.093.333.788	65.948.447.004
2.	Phải trả người bán	312	V.17	11.321.901.685	6.925.606.907
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.18	270.728.404	591.837.958
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	2.109.765.564	1.917.771.032
5.	Phải trả người lao động	315	V.20	6.258.852.272	6.432.303.488
6.	Chi phí phải trả	316	V.21	4.917.873.098	4.311.873.098
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	4.242.191.270	4.259.590.273
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	329.167.454	1.939.034.355
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-



B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		100.954.130.915	97.886.374.637
I.	Vốn chủ sở hữu	410		100.954.130.915	97.886.374.637
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	38.500.000.000	38.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	26.076.197.233	26.076.197.233
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414	V.24	(10.100.000)	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	11.165.626.926	10.578.159.306
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	4.264.291.244	3.676.823.624
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	20.958.115.512	19.055.194.474
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234.497.944.450	190.212.838.752



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại:			
	Dollar Mỹ (USD)		41.277,15	22.256,84
	Euro (EUR)		268,58	279,50
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-


Huỳnh Minh Tâm
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2014



Trần Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Năm 2013

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	375.915.283.540	330.182.436.538
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.082.305.616	374.832.977.924
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	330.182.436.538	341.283.224.052
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		294.277.052.811	33.549.753.872
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.905.383.727	1.282.240.464
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	1.458.143.917	5.689.235.509
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.360.204.439	4.835.919.066
8.	Chi phí bán hàng	24	VI.5	11.280.788.277	12.127.624.490
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.828.040.022	11.011.491.096
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.894.494.906	6.003.643.241
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	3.880.679.488	5.277.273.195
12.	Chi phí khác	32	VI.8	165.846.628	46.274.184
13.	Lợi nhuận khác	40		3.714.832.860	5.230.999.011
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.609.327.766	11.234.642.252
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	2.859.975.368	3.014.357.210
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.220.285.042	11.749.352.398
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.136	3.052

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2014

A red circular official stamp from Công ty Cổ phần Thủy Sản Số 1, Q. Tân Phú - TP. Hồ Chí Minh. The stamp contains the company name in Vietnamese, its registration number M.S.D.N-0302047589, and the district/city information.

A handwritten signature in blue ink, which appears to be "Trần Đức Dũng". The signature is written over a horizontal line and extends upwards towards the date.

Trần Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Phụ lục

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung cuộc họp
Số 16/NQ-HĐQT	16/03/2013	- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 - Thông qua việc Công ty CP phát triển Hùng Hậu chào mua công khai để sở hữu trên 65% vốn cổ phần SJ1. - Thông qua chi cổ tức đợt 2/2012 là 10% tiền mặt. - Thông qua thay đổi địa chỉ website mới: www.seajoco.vn.
Số 01/NQ-ĐHĐCĐ	16/04/2013	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2012. - Thông qua Báo cáo HĐQT về hoạt động kinh doanh năm 2012 và kế hoạch năm 2013. - Thông qua báo cáo hoạt động BKS năm 2012. - Thông qua báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2012. - Thông qua tờ trình thù lao HĐQT, BKS, Thư ký năm 2013. - Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty theo hướng dẫn Thông tư 121/TT-BTC. - Thông qua tờ trình xin gia hạn phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. - Thông qua tờ trình giao cho HĐQT làm việc với đối tác mới là Công ty CP phát triển Hùng Hậu để tiếp tục thực hiện dự án 1004, thay đổi công năng phù hợp tình hình kinh tế hiện tại. - Thông qua tờ trình góp vốn bằng tài sản trên đất tại vị trí 624 Âu Cơ, P.10, Q. Tân Bình vào trường ĐH Văn Hiến. - Sửa đổi Điều lệ đúng theo các nội dung trong các Tờ trình trên; Sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. - Thông qua việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) được thực hiện việc kiểm toán cho công ty năm 2013.
Số 17/NQ-HĐQT	15/07/2013	- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2013. - Thông qua báo cáo Ban kiểm soát 6 tháng đầu năm 2013.



		- Thông qua phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm 2013. - Thông qua các Thành viên HĐQT độc lập: Ông Nguyễn Tấn Bình và Ông Tôn Thất Diên Khoa. - Thông qua việc thành lập các tiểu ban của HĐQT. - Thông qua việc chốt danh sách ngày đăng ký cuối cùng chia cổ tức đợt 2 năm 2012: 10% bằng tiền mặt là ngày 05/08/2013, chi trả ngày 18/08/2013. Đồng thời sử dụng danh sách chốt này để xin ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo điều 6 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 16/04/2013. - Thông qua Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Thủy sản số 1. - Thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 16/04/2013. HĐQT giao cho Ban TGD triển khai thực hiện thủ tục đánh giá tài sản trên đất tại địa chỉ 624 Âu Cơ góp vốn vào Trường Đại Học Văn Hiến. - Thống nhất chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 536B và 624 Âu Cơ.
Số 18/NQ-HĐQT	18/07/2013	- Chấp thuận kiến nghị của Ông Từ Thanh Phụng- Trưởng Ban kiểm soát (BKS) về việc bầu bổ sung một thành viên BKS do Bà Vũ Minh Huệ đã nộp đơn xin từ nhiệm thành viên BKS. - Thống nhất thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, bầu bổ sung một (01) thành viên Ban kiểm soát và các vấn đề khác.
Số 19/NQ-HĐQT	22/07/2013	- Thống nhất điều chỉnh ngày chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012.
Số 02/NQ-ĐHĐCĐ	14/09/2013	Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2013 - Thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn, niêm yết bổ sung cổ phiếu và thay đổi vốn điều lệ Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1. - Thông qua việc từ nhiệm thành viên BKS của Bà Vũ Minh Huệ và bầu bổ sung một thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2014. - Thông qua kết quả bầu bổ sung một thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2014 (Ông Trần Văn Thắng trúng cử TV BKS với tỷ lệ: 91,44%)

Số 20/NQ-HĐQT	04/10/2013	- Chấp nhận đơn xin thôi nhiệm của Ông Ngô Đức Dũng –Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Thủy Sản số 1, vì lý do sức khỏe không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ. - Thống nhất thông qua việc bổ nhiệm Ông Trần Đức Dũng giữ chức Tổng Giám Đốc Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1 kể từ ngày 04/10/2013. - Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua đơn xin thôi nhiệm của Ông Ngô Đức Dũng và việc bổ nhiệm Ông Trần Đức Dũng tại kỳ đại hội gần nhất.
Số 22/NQ-HĐQT	04/11/2013	- Thông qua việc giao đất tại địa chỉ 1004A Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp.HCM cho Công ty CP Phát triển Hùng Hậu quản lý, khai thác hiện trạng. - Thông qua góp vốn bằng tài sản trên đất tại địa chỉ 624 (số cũ 536) Âu Cơ, P.10, Q.Tân Bình, Tp.HCM vào Trường Đại Học Văn Hiến với giá trị là 18,6 tỷ. - Thông qua sơ đồ tổ chức mới của Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1.
Số 23/NQ-HĐQT	31/12/2013	- Chấp thuận đơn xin thôi việc của bà Nguyễn Thanh Hà – Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Thủy Sản số 1, vì lý do cá nhân. - Thống nhất việc bổ nhiệm Ông Huỳnh Minh Tâm giữ chức Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Thủy sản số 1 kể từ ngày 02/01/2014.

XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2014

Người đại diện theo Pháp luật của Công ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Đức Dũng



Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Số 1

Địa chỉ: 1004 Âu Cơ, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp.HCM

Số điện thoại: (84.8) 3974 1135 – 3974 1136

Website: www.seajoco.vn